BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

NGÀNH : LUẬT

Sinh viên : Hoàng Thị Nhật Lệ

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

ĐỀ TÀI: BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU TẠI VIỆT NAM – NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: LUẬT

Sinh viên : Hoàng Thị Nhật Lệ

Giảng viên hướng dẫn : Thạc sĩ Lê Thu Trang

HẢI PHÒNG – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Hoàng Thị Nhật Lệ Mã SV: 1717905008

Lớp : PLH2101

Ngành : Luật

Tên đề tài : Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tại Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. **Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

- Nội dung của đề tài nghiên cứu về Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tại Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn; hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận về bảo hộ nhãn hiệu; Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam dựa vạo đó Đề xuất một số phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả bảo hộ nhãn hiệu.

2. **Các tài liệu, số liệu cần thiết**

- Tài liệu nghiên cứu, tham khảo là các chủ trương, định hướng của Đảng, các quy định pháp luật của Pháp uật đã được ban hành và thực thi; các giáo trình được viết và giảng dạy tại các trường đại học, các Nghị quyết, Thông tư Báo cáo,… có liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Các số liệu nghiên cứu đảm bảo phù hợp, chính xác, đáng tin cậy.

3. **Địa điểm thực tập tốt nghiệp**

Công ty TNHH IPO.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Lê Thu Trang

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hướng dẫn làm khoá luận với Đề tài: "Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tại Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn."

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 04 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 07 năm 2021

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Giảng viên hướng dẫn*

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Lê Thu Trang

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hướng dẫn làm khoá luận với Đề tài: "Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tại Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn."

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 04 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 07 năm 2021

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Giảng viên hướng dẫn*

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Lê Thu Trang

Đơn vị công tác: Trường đại học Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Hoàng Thị Nhật Lệ Chuyên ngành: Luật

Nội dung hướng dẫn: Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tại Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn**.**

.....

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Có tình thần cầu thị, chủ động trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp
- Hoàn thành đúng tiến độ.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…)

- Đã trình bày được cơ sở lý luận về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tại Việt Nam bên cạnh đó có sự liên hệ về quy định này đối với một số nước trên thế giới.

- Phân tích được thực trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tại Việt Nam được thể hiện chi tiết qua các nhóm chỉ số phân tích cụ thể. Số liệu và hình ảnh có tính thời sự, phong phú có trích dẫn nguồn đáng tin cậy, bảng biểu sắp xếp logic, phù hợp với đề tài.

- Có tính định hướng, đề xuất được các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tại Việt Nam, có cơ sở khoa học, logic và tính thực tiễn.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ [x] Không được bảo vệ [ ] Điểm hướng dẫn [ ]

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2021

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn tốt nghiệp, em đã nhận được sự giúp đỡ vô cùng to lớn của Nhà trường, Quý Thầy, Cô, đồng nghiệp, gia đình và bạn bè.

Em xin tỏ lòng biết ơn chân thành đến Ban giám hiệu nhà trường Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng, Ban chủ nhiệm khoa Luật - Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng, Quý Thầy, Cô tại Học tại trường đã trang bị kiến thức và giúp đỡ em trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu.

Xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn đến Cô giáo là Thạc sĩ Lê Thu Trang đang công tác tại trường Đại học Hải phòng đã nhiệt tình, tận tụy hướng dẫn và giúp đỡ em trong suốt quá trình nghiên cứu, thực hiện và hoàn thành tốt luận văn tốt nghiệp.

Cuối cùng em xin cảm ơn gia đình, cơ quan, bạn bè và đồng nghiệp đã giúp đỡ, ủng hộ, khuyến khích tôi rất nhiều trong suốt quá trình học tập và thời gian thực hiện luận văn.

Mặc dù đã rất cố gắng hoàn thành tốt luận văn này, nhưng sẽ không tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được sự quan tâm và đóng góp của Quý thầy cô để có thể giúp em hoàn thành luận văn và bổ sung thêm nhiều kiến thức quý báu.

Xin chân thành cảm ơn!

LỜI CẢM ƠN 6
MỞ ĐẦU 9
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU TẠI VIỆT NAM 12
Khái niệm nhãn hiệu và bảo hộ nhãn hiệu 12
Khái niệm nhãn hiệu theo định nghĩa của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới WIPO 12
1.1.1. Khái niệm nhãn hiệu theo quy định của các quốc gia khác 12
1.1.1.1. Khái niệm nhãn hiệu theo luật Nhật Bản 12
1.1.1.2. Khái niệm nhãn hiệu theo Luật Mỹ 12
1.1.2. Khái niệm nhãn hiệu theo quy định pháp luật Việt Nam 13
1.1.3. Khái niệm bảo hộ nhãn hiệu theo pháp luật Việt Nam 13
1.2. Phân loại nhãn hiệu 15
1.2.1. Phân loại nhãn hiệu theo yếu tố cấu thành nhãn hiệu 15
1.2.2. Phân loại nhãn hiệu theo chức năng của nhãn hiệu 16
1.3. Vai trò của nhãn hiệu 20
1.4. Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu 21
1.5. Các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu 23
1.6. Các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu 25
1.6.1. Biện pháp tự bảo vệ 25
1.6.2. Biện pháp hành chính 26
1.6.3. Biện pháp dân sự 29
1.6.4. Biện pháp hình sự 32
1.6.5. Biện pháp kiểm soát hàng hóa qua biên giới 33
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU TẠI VIỆT NAM 34
2.1. Thực trạng đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam 34
2.2. Thực trạng chuyển giao quyền đối với nhãn hiệu tại Việt Nam 39
2.3. Thực trạng xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu tại Việt Nam 42
2.4. Một vài bất cập trong việc bảo hộ quyền đối với nhãn hiệu tại Việt Nam ... 52
CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU TẠI VIỆT NAM 54
3.1. Định hướng 54
3.2. Đề xuất , giải pháp 55

3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu. 55
3.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động ngăn ngừa, hạn chế và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu. 57
KẾT LUẬN 60
TÀI LIỆU THAM KHẢO 61

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, vấn đề cạnh tranh luôn là mối quan tâm hàng đầu của các cá nhân, tổ chức kinh doanh nhất là trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay. Trong xu thế hội nhập toàn cầu, ở bất kỳ quốc gia nào sở hữu trí tuệ cũng sẽ đóng một vai trò hết sức quan trọng vì nó là một trong những cấu thành của nền kinh tế tri thức – nền kinh tế sẽ quyết định sự phát triển lớn mạnh và bền vững của nền kinh tế toàn cầu trong tương lai. Nhận thức được tầm quan trọng này, Việt Nam đã và đang tích cực xây dựng một hệ thống sở hữu trí tuệ nhằm góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cũng như hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

Nhãn hiệu đóng vai trò rất quan trọng, bởi nó là một trong những loại "tài sản vô hình" có giá trị to lớn đối với các chủ thể kinh doanh vì vậy vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu ngày càng được quan tâm hơn. Việc bảo hộ tốt quyền sở hữu trí tuệ nói chung và nhãn hiệu nói riêng có ảnh hưởng rất lớn tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Nó tạo ra một hành lang pháp lý an toàn bảo đảm cho các cá nhân, tổ chức tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa trên thị trường. Mặt khác, nó còn thúc đẩy những hoạt động cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể kinh doanh muốn nâng cao uy tín và chất lượng của tổ chức mình và cần có một chiến lược xây dựng và bảo vệ nhãn hiệu một cách vững chắc, chống lại những hành vi cạnh tranh không lành mạnh của các chủ thể kinh doanh khác. Ngoài ra, việc này còn tạo điều kiện khuyến khích các nguồn vốn đầu tư phát triển, đặc biệt là đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của nước ta ngày càng phát triển. Không những thế việc bảo hộ tốt nhãn hiệu còn góp phần đẩy mạnh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phòng chống các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu trong nền kinh tế thị trường tại Việt Nam hiện nay, tôi đã lựa chọn đề tài: "Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tại Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn" làm đề tài luận văn tốt nghiệp.

2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung là pháp luật về bảo vệ sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu cùng các văn bản và ngành luật liên quan đến Sở hữu trí tuệ.

Về không gian, luận văn chỉ nghiên cứu vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam chứ không nghiên cứu toàn bộ vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ. Luận văn chủ

yếu nghiên cứu bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam và mở rộng ra một số nước trên thế giới.

Về thời gian, luận văn nghiên cứu luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009 đến nay, đặc biệt từ sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và pháp luật của một số nước trên thế giới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp luận được dùng để hoàn thành bài luận văn là phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, luận văn được xây dựng trên cơ sở kết hợp các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của khoa học pháp lý cũng như phương pháp thu thập thông tin, phân tích tài liệu, thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh… Với việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu này, luận văn đã có được những thông tin và kết luận chính xác về các vấn đề nghiên cứu.

4. Mục đích của đề tài

Thông qua việc nghiện cứu những vấn đề tổng quan liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu, luận văn muốn làm rõ khái niệm bảo hộ quyền trí tuệ đối với nhãn hiệu, phân tích quy định pháp luật về các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu ở Việt Nam. Thông qua đó đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả việc bảo vệ nhãn hiệu ở Việt Nam hiện nay.

5. Ý nghĩa của khóa luận

Luận văn đã tiếp cận và nghiên cứu về các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu, trên cơ sở đó đề xuất những kiến nghị góp phần hoàn thiện hơn các quy định pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu, giảm thiểu những thiệt hại do vi pham sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu gây ra cho các chủ thể kinh doanh.

Luận văn cho thấy các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu cần phải tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng được với tình hình thực tiễn cũng như tương thích được với các chuẩn mực quốc tế.

6. Kết cấu của đề tài

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tại Việt Nam

Chương 2: Thực trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tại Việt Nam

Chương 3: Định hướng, giải pháp để hoàn thiện pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tại Việt Nam

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU TẠI VIỆT NAM

1.1 Khái niệm nhãn hiệu và bảo hộ nhãn hiệu

1.1.1. Khái niệm nhãn hiệu theo định nghĩa của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới WIPO

Theo quyển sách *Những điều chưa biết về nhãn hiệu (Tài liệu hướng dẫn dành cho doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ)* của tổ chức trí tuệ thế giới WIPO mục 18 thì "nhãn hiệu là dấu hiệu có khả năng phân biệt dùng để phân biệt hàng hoá hoặc dịch vụ do một doanh nghiệp sản xuất hoặc cung cấp với những hàng hoá và dịch vụ của các doanh nghiệp khác. Nhìn chung, bất kỳ chữ cái, từ ngữ, chữ số, hình vẽ, màu sắc, hình ảnh, sự sắp đặt, tiêu đề quảng cáo, nhãn hàng hoặc sự kết hợp của các dấu hiệu kể trên được sử dụng để phân biệt hàng hoá và dịch vụ của các công ty khác nhau có thể được coi là nhãn hiệu."

1.1.2. Khái niệm nhãn hiệu theo quy định của các quốc gia khác

1.1.2.1. Khái niệm nhãn hiệu theo luật Nhật Bản

Pháp luật hiện hành của Nhật Bản về nhãn hiệu là Đạo luật về Nhãn hiệu (Trademark Act) ban hành vào năm 1959 và được sửa đổi lần mới nhất vào năm 2015. Pháp luật Nhật Bản quy định về nhãn hiệu có thiên hướng nghiên về truyền thống. Nhật Bản quy định nhãn hiệu là các chữ cái, con số, dấu hiệu, hình hoạ ba chiều hay sự kết hợp giữa chung giữa chúng có thể là màu sắc và phải thoả mãn hai điều kiện do pháp luật Nhật Bản đề ra. Thứ nhất, đối với nhãn hiệu gắn lên hàng hoá thì phải được sử dụng đối với hàng hoá mà một cá nhân sản xuất, xác nhận hay đem vào lưu thông. Thứ hai, đối với nhãn hiệu dịch vụ phải được sử dụng đối với dịch vụ mà một cá nhân cung cấp hay xác nhận trong quá trình thương mại.

1.1.2.2. Khái niệm nhãn hiệu theo Luật Mỹ

Các vấn đề liên quan đến nhãn hiệu của Mỹ được điều chỉnh bởi Đạo luật Lanham (Lanham Act) - Luật về Nhãn hiệu ban hành năm 1946 và được sửa đổi, bổ sung nhiều lần trong quá trình áp dụng. Trong luật này có hai quy phạm liên quan đến định nghĩa về nhãn hiệu. Phần định nghĩa của Luật này quy định: Thuật ngữ nhãn hiệu bao gồm bất cứ từ, tên gọi, biểu tượng, hay hình vẽ, hoặc sự kết hợp giữa chúng được sử dụng bởi một cá nhân hoặc được một cá nhân có ý định sử dụng nó trong thương mại và xin đăng ký theo quy định tại luật này hoặc để xác định và phân biệt hàng hoá của cá nhân đó, bao gồm cả các hàng hoá đặc chủng, với những hàng hoá cùng loại được sản xuất hoặc được bán bởi cá nhân khác và chỉ rõ nguồn gốc của hàng hoá thậm chí khi mà không thể xác định được nguồn gốc đó. Nhãn hiệu hàng hoá được cấu thành

bởi dấu hiệu bất kỳ hoặc sự kết hợp bất kỳ của các dấu hiệu có khả năng phân biệt hàng hoá hoặc dịch vụ của một người với hàng hoá hoặc dịch vụ của người khác, bao gồm từ ngữ, tên người, hình, chữ cái, chữ số, tổ hợp màu sắc, các yếu tố hình hoặc hình dạng của hàng hoá hoặc hình dạng của bao bì hàng hoá. Nhãn hiệu hàng hoá bao gồm cả nhãn hiệu dịch vụ, nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận.

Theo quy định của pháp luật Mỹ, các yếu tố được công nhận trong khái niệm nhãn hiệu chỉ bao gồm những yếu tố truyền thống như tên gọi, biểu tượng, hình vẽ hay sự kết hợp giữa chúng mà thôi. Các yếu tố mới không mang tính truyền thống nhưng vẫn có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ cùng loại của các doanh nghiệp khác nhau như âm thanh hay mùi chưa được nêu trong định nghĩa. Tuy nhiên, do sự phát triển của nền kinh tế, Mỹ là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới công nhận và cho đăng ký các nhãn hiệu chứa đựng các yếu tố mới này. Điều 2 Luật Nhãn hiệu năm 1946 của Mỹ quy định: "Không nhãn hiệu nào có khả năng phân biệt hàng hoá của người nộp đơn với những hàng hoá của những người khác lại bị từ chối đăng ký vào sổ đăng ký…" Theo điều khoản này thì bất kỳ dấu hiệu nào, không phân biệt định hình hay không định hình nếu có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các doanh nghiệp thì đều có thể được coi là nhãn hiệu.

1.1.3. Khái niệm nhãn hiệu theo quy định pháp luật Việt Nam

Hiện nay, các vấn liên quan đến đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam được quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 – sửa đổi năm 2009) và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Điều 4 khoản 16 Luật Sở hữu trs tuệ 2005 quy định: "Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau". Quy định này nhấn mạnh đến chức năng và mục đích của nhãn hiệu. Theo Điều 72 Luật Sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu "là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều mầu sắc" và "có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hoá, dịch vụ của chủ thể khác". Đây là một khái niệm mang tính khái quát và phù hợp với thực tiễn cũng như quy định của các điều ước quốc tế. Điều này được thể hiện qua một số điểm sau: Thứ nhất là "nhãn hiệu" dùng để chỉ những dấu hiệu phân biệt hàng hóa, dịch vụ. Thứ hai là khái niệm đã xác định chức năng của nhãn hiệu là để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

1.1.4. Khái niệm bảo hộ nhãn hiệu theo pháp luật Việt Nam

Theo nghĩa rộng, Bảo hộ Nhãn hiệu là hoạt động của nhà nước, của chủ sở hữu và toàn thể xã hội hướng tới việc bảo đảm quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu nhãn hiệu. Theo nghĩa hẹp thì bảo hộ nhãn hiệu là việc nhà nước – thông qua hệ thống

pháp luật ghi nhận quyền sở hữu đối với nhãn hiệu cho các cá nhân, tổ chức và bảo vệ các quyền đó chống lại sự vi phạm của bên thứ ba. Bảo hộ nhãn hiệu có ý nghĩa rất quan trong trong thực tiễn, đây là chế tài bảo vệ nhãn hiệu cho chủ sở hữu và lợi ích cho người tiêu dùng và là cơ sở tạo điều kiện phát triển kinh tế. Vậy Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu là sự tác động bằng pháp luật thông qua việc sử dụng các biện pháp dân sự, biện pháp hành chính, biện pháp hình sự,… nhằm ngăn chặn, chống lại những hành vi xâm phạm để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu hợp pháp đã được Nhà nước công nhận bảo hộ.

1.2. Phân loại nhãn hiệu

1.2.1. Phân loại nhãn hiệu theo yếu tố cấu thành nhãn hiệu

Dựa theo yếu tố cấu thành nhãn hiệu thì nhãn hiệu được chia thành nhãn hiệu chữ, nhãn hiệu hình (hay còn gọi là nhãn hiệu logo) và nhãn hiệu kết hợp.

Nhãn hiệu chữ: bao gồm các chữ cái (có thể kèm theo cả chữ số), từ (có nghĩa hoặc không có nghĩa; có thể là tên gọi, từ tự đặt,…), ngữ (một cụm từ, có thể là một khẩu hiệu trong kinh doanh),… ví dụ như Coca Cola, Google,…

Nhãn hiệu hình: bao gồm hình vẽ, ảnh chụp, biểu tượng, hình khối (hình không gian ba chiều),…Ví dụ như Iphone, Toyota, Mercedes,…

Nhãn hiệu kết hợp là sự kết hợp cả từ ngữ và hình ảnh. Ví dụ như Nike, Puma, Vinamilk,…

Những loại nhãn hiệu này có thể được thể hiện đen trắng hoặc kết hợp cả màu sắc.

1.2.2. Phân loại nhãn hiệu theo chức năng của nhãn hiệu

Dựa theo chức năng của nhãn hiệu thì nhãn hiệu được phân thành nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu liên kết và nhãn hiệu nổi tiếng.

Nhãn hiệu hàng hoá là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hóa của các cá nhân, tổ chức kinh doanh khác nhau nhằm mục đích cho biết ai là người sản xuất ra những loại hàng hóa đó chứ không phải hàng hóa đó là gì. Các nhãn hiệu mang tính chất mô tả, có sự liên quan hoặc là tên gọi của sản phẩm thì nhãn hiệu đó sẽ không có khả năng đăng ký. Ví dụ như Adidas, Hoka,…

Nhãn hiệu dịch vụ rất giống với nhãn hiệu hàng hoá về bản chất. Cả hai đều là dấu hiệu có khả năng phân biệt. Nhãn hiệu dịch vụ phân biệt dịch vụ của doanh nghiệp này với dịch vụ của doanh nghiệp khác. Nhãn hiệu dịch vụ thường được gắn trên các bảng hiệu dịch vụ để người có nhu cầu hưởng thụ có thể dễ dàng nhận biết. Ví dụ như Mobifone, Viettel,…

Nhãn hiệu tập thể là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân, tổ chức kinh doanh khác không phải là thành viên của tổ chức đó (khoản 17 Điều 4 Luật sở hữu trí tuệ). Nhãn hiệu tập thể thường thuộc sở hữu của một hiệp hội hoặc hợp tác xã mà các thành viên có thể sử dụng nhãn hiệu tập thể để tiếp thị các sản phẩm của mình. Hiệp hội đó thường xây dựng tập hợp các tiêu chuẩn về sử dụng nhãn hiệu tập thể (chẳng hạn tiêu chuẩn chất lượng) và cho phép các thành viên sử dụng nhãn hiệu đó nếu họ đáp ứng các tiêu chuẩn đó. Nhãn hiệu tập thể có thể là xem như một hình thức liên kết hiệu quả trong việc tiếp thị sản phẩm, dịch vụ của một nhóm doanh nghiệp. Ví dụ như Chè Thái Nguyên, Xoài Cao Lãnh,…

Nhãn hiệu chứng nhận là nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép cá nhân, tổ chức khác sử dụng trên hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, tổ chức đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hóa, cách thức cung cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu. Nhãn hiệu chứng nhận là nhãn hiệu do các tổ chức có chức năng kiểm soát, chứng nhận chất lượng, đặc tính… của hàng hóa, dịch vụ đăng ký, sau đó tổ chức này có quyền cấp phép sử dụng cho bất kỳ chủ thể sản xuất, kinh doanh nếu hàng hóa, dịch vụ của họ đáp ứng các tiêu chuẩn do chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận đặt ra. Ví dụ như Hàng Việt Nam chất lượng cao, Hàng Việt Nam tin dùng,….

Nhãn hiệu liên kết là nhãn hiệu do cùng một chủ thể đăng ký, trùng hoặc tương tự nhau dùng cho sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự nhau hoặc có liên quan với nhau. Việc đăng ký nhãn hiệu liên kết mang lại nhiều lợi ích cho chủ sở hữu nhãn hiệu. Chủ sở hữu các nhãn hiệu liên kết được độc quyền sử dụng dấu hiệu có khả năng phân biệt cho nhiều loại hàng hóa, dịch vụ. Bên cạnh đó, việc sử dụng nhãn hiệu liên kết tạo uy tín cho những sản phẩm, dịch vụ mới của doanh nghiệp bởi nhãn hiệu đã từng được biết đến và chiếm được sự tín nhiệm của người tiêu dùng. Ví dụ như Mirinda, 7 Up,….

Nhãn hiệu nổi tiếng là nhãn hiệu được cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia nhất định công nhận là nổi tiếng. Những nhãn hiệu này là sự kết tinh nỗ lực kinh doanh của doanh nghiệp cả về trí tuệ và vật chất, vì vậy nhãn hiệu nổi tiếng là tài sản có giá trị rất lớn, ví dụ như Cocacola, Iphone, Google, Honda,… Theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam, nhãn hiệu nổi tiếng là nhãn hiệu được người tiêu dùng biết đến rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam như Cà phê Trung Nguyên, dịch vụ vận chuyển hàng không Vietnam Airlines,…

1.3. Vai trò của nhãn hiệu

Nhãn hiệu có vai trò phân biệt hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp này với hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp khác. Nhãn hiệu giúp người tiêu dùng phân biệt các sản phẩm của các doanh nghiệp khác nhau và nhận biết được nguồn gốc của sản phẩm mang nhãn hiệu mình quen dùng hay chất lượng của sản phẩm như thế nào.

Nhãn hiệu có vai trò cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp. Vai trò này được thể hiện qua chức năng phân biệt hàng hóa của nhãn hiệu. Thông qua nhãn hiệu quen thuộc, người tiêu dùng có thể dễ dàng nhận biết được giá trị sử dụng hay nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ. Vai trò này của nhãn hiệu đã trở thành một phương tiện quan trọng đối với doanh nghiệp trong việc tạo lập và giữ gìn phát triển thị trường kinh doanh của mình.

Nhãn hiệu có vai trò quảng cáo, tiếp thị. Nhãn hiệu được coi là một dấu hiệu đặc trưng, dấu hiệu nhận biết của một doanh nghiệp. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các phương tiện truyền thông, Nhãn hiệu giúp cho nhiều người biết đến sản phẩm của doanh nghiệp hơn. Bên cạnh đó, Nhãn hiệu góp phần truyền tải những thông tin cần thiết của sản phẩm đến người tiêu dùng, giúp họ biết đến và lựa chọn sản phẩm của doanh nghiệp trên thị trường.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, Nhãn hiệu được coi là một trong những tài sản có giá trị của một doanh nghiệp. Nhiều người còn nói rằng hàng hóa có Nhãn hiệu cũng giống như "tấm giấy thông hành" giúp họ vừa dễ xâm nhập vào thị trượng lại vừa giảm được nhiều chi phí quảng cáo, marketing. Thực tế cho thấy, Nhãn hiệu xét về mặt kinh tế thì nó đã vượt xa khái niệm pháp lý của nó là những dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ được sản xuất hoặc cung cấp bởi các doanh nghiệp khác nhau. Khi doanh nghiệp có nhãn hiệu riêng áp dụng cho sản phẩm và được pháp luật bảo hộ thì các đối tượng sở hữu trí tuệ này sẽ trở thành tài sản của doanh nghiệp và mang lại cho doanh nghiệp nhiều lợi thế, ví dụ như:

Về lợi thế pháp triển sản phẩm: Nhãn hiệu giúp nâng cao niềm tin và lòng trong thành của người tiêu dùng mà doanh nghiệp đang tiếp thị. Nhãn hiệu cung cấp thông

tin, hình ảnh, danh tiếng và sự nhận diện khác biệt cho doanh nghiệp, nhờ đó người tiêu dùng có thể nhận diện, phân biệt được,…

Về lợi thế cạnh tranh: Quyền sở hữu trí tuệ về nhãn hiệu là quyền độc quyền, vì vậy khi nắm giữ độc quyền về nhãn hiệu, kiểu dáng và sáng chế cho một sản phẩm thì các đối thủ cạnh tranh sẽ không được phép khai thác và sử dụng các nhãn hiệu đó, do đó doanh nghiệp sẽ duy trì được vị thế cạnh tranh đối với sản phẩm đó trên thị trường. Sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu là biện pháp phòng ngừa của doanh nghiệp trước các đối thủ cạnh tranh có nhiều tiềm năng trong cùng lĩnh vực.

Về nâng cao giá trị doanh nghiệp: Quyền Sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu khi được bảo hộ sẽ trở thành tài sản và vì thế Sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu cũng có thể chuyển giao, chuyển nhượng. Các doanh nghiệp đang sở hữu những nhãn hiệu có danh tiếng có thể tự khai thác độc quyền sử dụng quyền Sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu để sản xuất và kinh doanh sản phẩm, doanh nghiệp cũng có thể chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu thông qua việc nhượng quyền kinh doanh, ví dụ: "KFC", Nhãn hiệu "Trung Nguyên",… Chuyển giao công nghệ chứa đựng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp cho sản phẩm. Quyền Sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu làm tăng giá trị doanh nghiệp khi mua bán, sát nhập doanh nghiệp; có thể nâng cao giá trị của doanh nghiệp trong mắt các nhà đầu tư và các tổ chức tài trợ...

1.4. Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu

Theo Điều 72 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 quy định về điều kiện chung đối với nhãn hiệu được bảo hộ quy định:

“Nhãn hiệu được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc;

2. Có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hoá, dịch vụ của chủ thể khác.”

Theo Khoản 1 Điều 72 Luật sở hữu trí tuệ quy định Nhãn hiệu phải là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc. Đây là những dấu hiệu mà mắt thường con người có thể nhìn thấy được thể hiện bằng các yếu tố trên thì sẽ đáp ứng được điều kiện bảo hộ nhãn hiệu theo luật Sở hữu trí tuệ 2005.

Theo Khoản 2 Điều 72 Luật sở hữu trí tuệ quy định nhãn hiệu phải có khả năng nhận biết hàng hoá, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hoá, dịch vụ của chủ thể khác thì mới đủ điều kiện để được bảo vệ. Nhãn hiệu phải được tạo thành từ một

hoặc một số yếu tố dễ nhận biết, dễ ghi nhớ hoặc nhiều yếu tố kết hợp thành một tổng thể dễ nhận biết, dễ ghi nhớ. Nhãn hiệu được coi là có khả năng nhận biết nếu không thuộc vào các dấu hiệu được quy định tại Khoản 2 Điều 74 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005. Khoản 2 Điều 74 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định như sau:

"2. Nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là dấu hiệu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu;

b) Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hoá, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào đã được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, nhiều người biết đến;

c) Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu;

d) Dấu hiệu mô tả hình thức pháp lý, lĩnh vực kinh doanh của chủ thể kinh doanh;

đ) Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hoá, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này;

e) Dấu hiệu không phải là nhãn hiệu liên kết trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã được đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự trên cơ sở đơn đăng ký có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn trong trường hợp đơn đăng ký được hưởng quyền ưu tiên, kể cả đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

g) Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự từ trước ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên;

h) Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự mà đăng ký nhãn hiệu đó đã chấm dứt hiệu lực chưa quá năm năm, trừ trường hợp hiệu lực bị chấm dứt vì lý do nhãn hiệu không được sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 95 của Luật này;

i) Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được coi là nổi tiếng của người khác đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự với hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng hoặc đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ không tương tự, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể làm ảnh hưởng đến khả năng phân biệt của nhãn hiệu nổi tiếng hoặc việc đăng ký nhãn hiệu nhằm lợi dụng uy tín của nhãn hiệu nổi tiếng;

k) Dấu hiệu trùng hoặc tương tự với tên thương mại đang được sử dụng của người khác, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ;

l) Dấu hiệu trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể làm cho người tiêu dùng hiểu sai lệch về nguồn gốc địa lý của hàng hoá;

m) Dấu hiệu trùng với chỉ dẫn địa lý hoặc có chứa chỉ dẫn địa lý hoặc được dịch nghĩa, phiên âm từ chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ cho rượu vang, rượu mạnh nếu dấu hiệu được đăng ký để sử dụng cho rượu vang, rượu mạnh không có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý đó;

n) Dấu hiệu trùng hoặc không khác biệt đáng kể với kiểu dáng công nghiệp của người khác được bảo hộ trên cơ sở đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn so với ngày nộp đơn, ngày ưu tiên của đơn đăng ký nhãn hiệu."

1.5. Các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu

Các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu được Quy định tại Khoản 1 Điều 129 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005. Khoản 1 Điều 129 Luật sở hữu trí tuệ quy định như sau:

"1. Các hành vi sau đây được thực hiện mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu thì bị coi là xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu:

a) Sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ trùng với hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó"

Vì vậy, theo Điểm a Khoản 1 Điều 129, nếu một doanh nghiệp sử dụng tên nhãn hiệu của một doanh nghiệp khác đã được đăng ký trước cho cùng một loại sản phẩm hàng háng, dịch vụ mà không được sự cho phép của chủ sở hữu nhãn hiệu thì hành vi này sẽ bị coi là xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu. Ví dụ như Tập đoàn Unilever đăng ký bảo hộ nhãn hiệu "Comfort" cho sản phẩm nước xả vải. Doanh nghiệp A chuyên sản xuất hàng tiêu dùng tại Việt Nam đã sản xuất ra một loại nước xả vải khác cũng lấy tên là "Comfort" cho sản phẩm của mình. Hành vi của doanh nghiệp A

đã sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu của tập đoàn Unilever; cho cùng loại sản phẩm là nước xả vải; mà không có sự cho phép đồng ý của tập đoàn Unilever. Hành vi này của doanh nghiệp A bị coi là hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu của Tập đoàn Unilever.

"b) Sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ tương tự hoặc liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ"

Như vậy theo Điểm b Khoản 1 Điều 129 thì một doanh nghiệp sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu đã được đăng ký trước gây ra sự nhầm lẫn về nguồn gốc sản phẩm của chủ sở hữu nhãn hiệu sẽ bị coi là xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu.

"c) Sử dụng dấu hiệu tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ trùng, tương tự hoặc liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ"

Ví dụ như công ty A đăng ký bảo hộ nhãn hiệu "Lollipop" cho sản phẩm kẹo mút của mình. Công ty B cho ra mắt sản phẩm kẹo mút lấy tên là "Lollihop" với kiểu dáng, mẫu mã, màu sắc tương tự với kẹo mút "Lollipop" của công ty A. Như vậy công ty B đã sử dụng dấu hiệu tương tự với nhãn hiệu kẹo mút của công ty A; sản phẩm của cả hai bên công ty trùng nhau; mẫu mã sản phẩm cũng tương tự với nhau; từ đó dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Hành vi này của công ty B bị coi là hành vi xâm phạm nhãn hiệu đối với chủ sở hữu của nhãn hiệu là công ty A.

"d) Sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu nổi tiếng hoặc dấu hiệu dưới dạng dịch nghĩa, phiên âm từ nhãn hiệu nổi tiếng cho hàng hoá, dịch vụ bất kỳ, kể cả hàng hoá, dịch vụ không trùng, không tương tự và không liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá hoặc gây ấn tượng sai lệch về mối quan hệ giữa người sử dụng dấu hiệu đó với chủ sở hữu nhãn hiệu nổi tiếng."

Ví dụ như Nhãn hiệu nổi tiếng SAMSUNG được đăng ký độc quyền cho nhóm sản phẩm điện thoại di động. Ông A thành lập công ty kinh doanh, sản xuất điện thoại lấy tên gọi là Công ty TNHH SamSung Việt Nam. Như vậy ông A đã sử dụng tên cho công ty trùng với nhãn hiệu nổi tiếng đang được bảo hộ; hàng hoá và dịch vụ của hai bên chủ thể có liên quan đến nhau; từ đó dễ gây ấn tượng sai lệch cho người tiêu dùng về mối quan hệ giữa hai bên chủ thể vì vậy nên hành vi của ông A bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu SAMSUNG.

Ngoài ra, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định: "Quyền chống cạnh tranh không lành mạnh được xác lập trên cơ sở hoạt động cạnh tranh trong kinh doanh" (điểm d khoản 3 Điều 6). Bên cạnh đó, về hành vi cạnh tranh không lành mạnh, Điều 130 Luật này nêu rõ các trường hợp như sau:

"1. Các hành vi sau đây bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh:

a) Sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hoá, dịch vụ;

b) Sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn về xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hoá, dịch vụ; về điều kiện cung cấp hàng hoá, dịch vụ;

c) Sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước là thành viên của điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng là thành viên, nếu người sử dụng là người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu và việc sử dụng đó không được sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu và không có lý do chính đáng;

d) Đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng.

2. Chỉ dẫn thương mại quy định tại khoản 1 Điều này là các dấu hiệu, thông tin nhằm hướng dẫn thương mại hàng hoá, dịch vụ, bao gồm nhãn hiệu, tên thương mại, biểu tượng kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng bao bì của hàng hoá, nhãn hàng hoá.

3. Hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các hành vi gắn chỉ dẫn thương mại đó lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch kinh doanh, phương tiện quảng cáo; bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán, nhập khẩu hàng hoá có gắn chỉ dẫn thương mại đó."

1.6. Các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu

1.6.1. Biện pháp tự bảo vệ

Điều 198 Luật sở hữu trí tuệ quy định về Quyền tự bảo vệ như sau:

"1. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình:

a) Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại;

c) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp dân sự quy định tại Điều 202 của Luật này và các biện pháp hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh."

Như vậy, chủ thể quyền nhãn hiệu có quyền áp dụng các biện pháp sau để bảo vệ quyền nhãn hiệu của mình khi có hành vi xâm phạm. Thứ nhất là áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm nhãn hiệu. Thứ hai là yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại cho bên bị xâm phạm. Chủ thể quyền nhãn hiệu có thể yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm nhãn hiệu hoặc khởi kiện ra tòa án hay trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Ưu điểm của biện pháp này là việc thực hiện biện pháp tự bảo vệ thể hiện sự chủ động trong việc áp dụng các biện pháp, cách thức giải quyết…mà không phụ thuộc vào các thủ tục, nó giúp cho việc giải quyết được nhanh chóng, đỡ tốn kém thời gian và tiền bạc cho chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ vì không phụ thuộc vào sự cho phép của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mặt khác, biện pháp này còn bảo mật được thông tin liên quan đến quá trình giải quyết vụ án.

Hạn chế của biện pháp này đó là sự thực hiện yêu cầu của bên bị xâm phạm có khả thi hay không hoàn toàn phụ thuộc vào sự hợp tác của bên xâm phạm. Đồng thời biện pháp này cũng không mang tính cưỡng chế bắt buộc.

1.6.2. Biện pháp hành chính

Theo Điều 211 Luật sở hữu trí tuệ quy định về xử lý hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng xử phạt hành chính như sau:

“1. Trong các trường hợp sau đây, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có nguy cơ gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội;

b) Tang vật vi phạm có nguy cơ bị tẩu tán hoặc cá nhân, tổ chức vi phạm có biểu hiện trốn tránh trách nhiệm;

c) Nhằm bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính được áp dụng theo thủ tục hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bao gồm:

a) Tạm giữ người;

b) Tạm giữ hàng hoá, tang vật, phương tiện vi phạm;

c) Khám người;

d) Khám phương tiện vận tải, đồ vật; khám nơi cất giấu hàng hoá, tang vật, phương tiện vi phạm về sở hữu trí tuệ;

đ) Các biện pháp ngăn chặn hành chính khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.”

Như vậy, khi phát hiện có các hành vi xâm phạm nhãn hiệu của mình, chủ sở hữu nhãn hiệu có thể yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng những biện pháp xử phạt hành chính như phạt tiền, phải loại bỏ các yếu tố vi phạm, tịch thu các sản phẩm vi phạm,....Các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính ở lĩnh vực sở hữu công nghiệp được quy định tại Nghị định số 99/2013/NĐ-CP về Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp và Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN (gọi tắt là Thông tư 11) hướng dẫn chi tiết một số quy định về hình thức phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả sẽ có hiệu lực.

Các hình thức xử phạt hành chính đối với người vi phạm nhãn hiệu như cảnh cáo, phạt tiền. Mức tiền phạt được ấn định ít nhất bằng giá trị sản phẩm vi phạm đã phát hiện được và nhiều nhất không vượt quá năm lần giá trị hàng hóa vi phạm đã phát hiện được. Ngoài ra, tùy theo tính chất mức độ xâm phạm, người xâm phạm còn có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung như: Tịch thu hàng hóa, nguyên vật liêu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm nhãn hiệu; Đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đã xảy ra vi phạm nhãn hiệu. Người có hành vi xâm phạm nhãn hiệu còn phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả như sau: Buộc tiêu huỷ, phân phối hoặc đưa vào lưu thông không nhằm mục đích thương mại (hàng hoá, nguyên vật liệu, phương tiện được sử dụng để sản xuất, kinh doanh hàng vi phạm) với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng

khai thác của chủ sở hữu nhãn hiệu; Buộc đưa ra khỏi lanh thổ Việt Nam đối với hàng hóa quá cảnh xâm phạm nhãn hiệu hoặc buộc tái xuất đối với hàng nhập khẩu xâm phạm nhãn hiệu.

Biện pháp hành chính là biện pháp sử dụng sức mạnh quyền lực của các cơ quan hành chính nhà nước thông qua các quyết định hành chính để xử lí những hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu. Biện pháp hành chính là biện pháp sử dụng sức mạnh quyền lực của các cơ quan hành chính nhà nước thông qua các quyết định hành chính để xử lý các vi phạm hành chính. Ở Việt Nam, các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu chủ yếu được giải quyết bằng biện pháp hành chính.

Hiện nay, việc xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật sau: Luật sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật Hải quan năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành gồm: Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghệ; Nghị định 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Thông tư 13/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính có những ưu điểm sau: Thứ nhất là thời gian xử lý nhanh. Theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 99/2013/NĐ-CP, trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu xử lý vi phạm, cơ quan xử lý vi phạm có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Nếu chứng cứ và các tài liệu chưa đầy đủ thì cơ quan xử lý sẽ yêu cầu người nộp đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ hoặc giải trình trong thời hạn tối đa là 30 ngày. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, người có thẩm quyền thông báo cho tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm về thời gian, thủ tục, biện pháp xử lý và tyêu cầu phối hợp. Như vậy, thời gian xử lý một vụ việc vi phạm bằng biện pháp hành chính chỉ mất từ một đến hai tháng. Vì thời gian xử lý nhanh sẽ tiết kiệm được thời gian cho các chủ thể yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính. Thứ hai là thủ tục đơn giản và chi phí thấp là những ưu thế trong việc xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính. Chính vì những ưu điển này nên hầu

hết các doanh nghiệp sẽ lựa chọn giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hành chính.

Bên cạnh những ưu điểm trên thì biện pháp hành chính cũng có những hạn chế nhất định như chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu không được yêu cầu bồi thường thiệt hại. Theo quy định của pháp luật hiện hành, khi chủ thể quyền sở hữu nhãn hiệu lựa chọn biện pháp hành chính để xử lý các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, thì họ chỉ có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bên vi phạm chấm dứt hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, thu hồi các sản phẩm vi phạm quyền sở hữu trí tuệ,... Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu không có quyền yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu do họ gây ra.

1.6.3. Biện pháp dân sự

Điều 202 Luật sở hữu trí tuệ quy định về các biện pháp dân sự trong xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ như sau:

"Toà án áp dụng các biện pháp dân sự sau đây để xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ:

1. Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm;
2. Buộc xin lỗi, cải chính công khai;
3. Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự;
4. Buộc bồi thường thiệt hại;
5. Buộc tiêu huỷ hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ."

Khi xảy ra tranh chấp, chủ sở hữu nhãn hiệu có quyền khởi kiện vụ án dân sự nhằm yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền có thể ra phán quyết về việc buộc bên xâm phạm phải thực hiện những việc như chấm dứt hành vi xâm phạm; xin lỗi cải chính công khai; thực hiện nghĩa vụ dân sự; bồi thường thiệt hại cho bên bị xâm phạm; tiêu hủy, phân phối hoặc đưa sản phẩm vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại,...

Doanh nghiệp khởi kiện có nghĩa vụ chứng minh mình là chủ thể quyền của nhãn hiệu bằng các chứng cứ như Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa; Hợp đồng sử dụng nhãn hiệu trong trường hợp doanh nghiệp không phải là chủ sở hữu nhãn hiệu nhưng được phép sử dụng nhãn hiệu đó thông qua hợp đồng với chủ sở

hữu; Trong trường hợp doanh nghiệp không thể chứng minh, nhưng biết chứng cứ nằm dưới sự kiểm soát của bên kia thì có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên kiểm soát chứng cứ phải đưa ra chứng cứ đó; Trong trường hợp có yêu cầu bồi thường thiệt hại thì doanh nghiệp phải chứng minh thiệt hại thực tế xảy ra và nêu căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại. Ưu điểm của biện pháp này là doanh nghiệp chủ động trong quá trình xử lý, thu thập chứng cứ và đưa ra mức bồi thường dựa trên những thiệt hại thực tế mà mình chứng minh được. Việc buộc người vi phạm xin lỗi, cải chính công khai sẽ giúp cho doanh nghiệp lấy lại uy tín với người tiêu dùng.

Biện pháp dân sự có thể hiểu là việc các đương sự yêu cầu Toà án giải quyết các tranh chấp có liên quan đến quyền đối với nhãn hiệu thông qua các biện pháp dân sự. Khi quyền đối với nhãn hiệu bị xâm phạm, thì các chủ thể quyền sở hữu nhãn hiệu phải bảo vệ mình trước các hành vi xâm phạm bằng cách áp dụng các biện pháp công nghệ, sau đó yêu cầu các cá nhân, tổ chức có hành vi xâm phạm phải chấm dứt hành vi của mình, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại và yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm. các chủ thể cũng có thể khởi kiện ra Toà án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự có rất nhiều ưu điểm. Thứ nhất là phán quyết của Toà án được đảm bảo thực hiện bởi sức mạnh cưỡng chế của nhà nước. Ở Việt Nam, Toà án là cơ quan tài phán cuối cùng có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về dân sự nói chung và lĩnh vực sở hữu trí tuệ nói riêng. Điều này có nghĩa là các tranh chấp về quyền đối với nhãn hiệu có thể được giải quyết bằng nhiều biện pháp khác nhau như đôi bên tự thương lượng, hoà giải hoặc nhờ sự can thiệp của trọng tài hay Toà án. Nếu tranh chấp được giải quyết thông qua Toà án, thì sự phán quyết của toà án sẽ buộc các bên phải chấp hành, nếu không chấp hành các bên sẽ bị cưỡng chế thi hành bản án của Toà án.

Thứ hai là chủ sở hữu nhãn hiệu có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Khi phát hiện nhãn hiệu của mình bị xâm phạm, chủ sở hữu nhãn hiệu có thể thông qua Toà án yêu cầu bên xâm phạm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại mà mình đã phải gánh chịu do hành vi xâm phạm gây ra.

Thứ ba là phán quyết của Toà án có khả năng hạn chế tái phạm đối với bên có hành vi xâm phạm. Hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu có thể được thực hiện do lỗi vô ý hoặc lỗi cố ý. Đối hành vi xâm pham do lỗi vô ý hay do thiếu hiểu biết về luật sở hữu trí tuệ thì sau khi bị phát hiện và xử lý thì khả năng tái diễn hành vi xâm phạm của các chủ thể này là thấp. Còn đối với hành vi xâm phâm phạm do lỗi cố ý, xâm phạm có tổ chức và quy mô rộng, nếu như không xử lý mạnh bằng biện pháp dân sự thì khả năng tái diễn hành vi xâm phạm của các chủ thể này là rất cao. Vì vậy,

khi phát hiện hành vi xâm phạm, thì các chủ thể có hành vi xâm phạm phải được xử lý công khai và phán quyết của Toà án phải có tính cưỡng chế mạnh khiến họ không dám tái phạm hành vi xâm phạm trong tương lai.

Tuy nhiên, trong thực tế việc xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự trong thời gian qua vẫn còn hạn chế. Các vụ giải quyết các tranh chấp quyền đối với nhãn hiệu tại Tòa án bằng biện pháp dân sự lại không đem lại kết quả như mong muốn. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên: Thứ nhất, giải quyết các tranh chấp quyền sở hữu đối với nhãn hiệu là vấn đề khó, nhiều vụ việc đòi hỏi có kỹ thuật chuyên môn sâu, nhiều vụ việc liên quan đến bên thứ ba, có các yếu tố nước ngoài, nên quá trình cung cấp tài liệu, chứng cứ giữa các bên thường mất nhiều thời gian, dẫn đến việc giải quyết thường bị kéo dài, có trường hợp phải xét xử nhiều lần, qua nhiều cấp, gây tốn kém thời gian, tiền bạc của đương sự và của nhà nước. Đây là một điều bất lợi cho chủ thể quyền vì quyền sở hữu trí tuệ của họ thường bị giới hạn trong một thời gian nhất định, hơn nữa, việc chậm giải quyết đã không đáp ứng kịp thời đối với hoạt động khai thác quyền của chủ thể quyền. Theo quy định tại Điều 204 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đối với vụ án dân sự là bốn tháng, kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án; đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì có thể gia hạn nhưng không quá hai tháng. Tuy nhiên, với những đặc thù của tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu thì để đáp ứng đúng thời hạn giải quyết như quy định trên vẫn còn là việc khó đối với Tòa án. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc các đương sự ít lựa chọn Toà án là một giải pháp hữu hiệu như hiện nay.

Thứ hai, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thường phải trưng cầu ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về Sở hữu trí tuệ và các cơ quan chức năng có liên quan để kết luận đối với hành vi xâm phạm, nên dẫn đến tình trạng Toà án rất bị động, khó khăn cho việc ra phán quyết.

Thứ ba, việc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tương đối khó khăn cho chủ thể quyền trước Toà án. Theo quy định của tố tụng dân sự, một nguyên tắc rất quan trọng là nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh trước Tòa án về mức độ thiệt hại thực tế do hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu do bên kia gây ra. Tuy nhiên, chủ sở hữu thường không đưa ra được chứng cứ chứng minh hành vi xâm phạm quyền của bị đơn hoặc không chứng minh được mức độ thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, mặc dù hành vi xâm phạm và thiệt hại thực tế đã xảy ra và thiệt hại tiềm ẩn nếu có do bị xâm phạm quyền, do vậy, yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại thường ít được Tòa án chấp nhận toàn bộ.

1.6.4. Biện pháp hình sự

Các biện pháp hình sự áp dụng để xử lý hành vi vi phạm quyền sở hữu công nghiệp được quy định tại Điều 226 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ xung năm 2017:

"*1. Người nào cố ý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam, thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên;

d) Gây thiệt hại cho chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý 500.000.000 đồng trở lên;

đ) Hàng hóa vi phạm trị giá 500.000.000 đồng trở lên.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:

a) Pháp nhân thương mại thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng;

b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm;

c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm."

Nhóm các biện pháp hình sự được áp dụng đối với bất kỳ người nào có hành vi xâm phạm nhãn hiệu đang được bảo hộ ở Việt Nam với quy mô lớn, mang tính thương mại. Như vậy khi doanh nghiệp phát hiện có dấu hiệu xâm phạm nhãn hiệu

của mình mà hành vi xâm phạm có dấu hiệu cấu thành theo Điều 226 nêu trên thì có quyền tố cáo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý và yêu cầu người có hành vi xâm phạm bồi thường thiệt hại như biện pháp dân sự.

Biện pháp hình sự được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu trong trường hợp hành vi đó có yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của bộ luật hình sự. Những hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu bị truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định tại Thông tư số 01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp về hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

1.6.5. Biện pháp kiểm soát hàng hóa qua biên giới

Biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ được quy định tại Điều 216 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005

" 1. Các biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ bao gồm:

a) Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

b) Kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hoá có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp được tiến hành theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính.

3. Kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hoá có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp được tiến hành theo đề nghị của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nhằm thu thập thông tin để thực hiện quyền yêu cầu áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan.

4. Trong quá trình thực hiện biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, nếu phát hiện hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 213 của Luật này thì cơ quan hải quan có quyền và có trách nhiệm áp dụng biện pháp hành chính để xử lý theo quy định tại Điều 214 và Điều 215 của Luật này."

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam

Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt như hiện nay việc xây dựng, phát triển mới đã và đang trở nên ngày càng khó khăn hơn. Trong bối cảnh đó, Nhãn hiệu của doanh nghiệp có thể bị rơi vào trong những nguy cơ rủi ro pháp lý. Những rủi ro này có thể là Nhãn hiệu đó bị doanh nghiệp đối thủ khác nộp đơn đăng ký nhãn hiệu trước hoặc đã được bảo hộ trước đó do nộp đơn sớm hơn và khi đó chính doanh nghiệp – chủ sở hữu thực sự của Nhãn hiệu lại phải đối mặt với vụ kiện xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp liên quan đến Nhãn hiệu của chính mình do đối thủ cạnh tranh khởi xướng. Một rủi ro khác có thể là Nhãn hiệu của doanh nghiệp bạn bị từ chối bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với Nhãn hiệu khác đã đăng ký trước của người khác,…

Theo thống kê của Trung tâm thông tin sở hữu công nghiệp cho thấy trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã tiếp nhận và công bố 299442 đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các đối tượng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu có chủ đơn là chủ thể Việt Nam; trong đó chủ yếu là đơn nhãn hiệu với 278144 đơn (chiếm 92,9%), 14084 đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp (chiếm 4,7%), 4705 đơn đăng ký sáng chế (chiếm 1,57%) và giải pháp hữu ích là 2509 đơn (chiếm 0,83%).

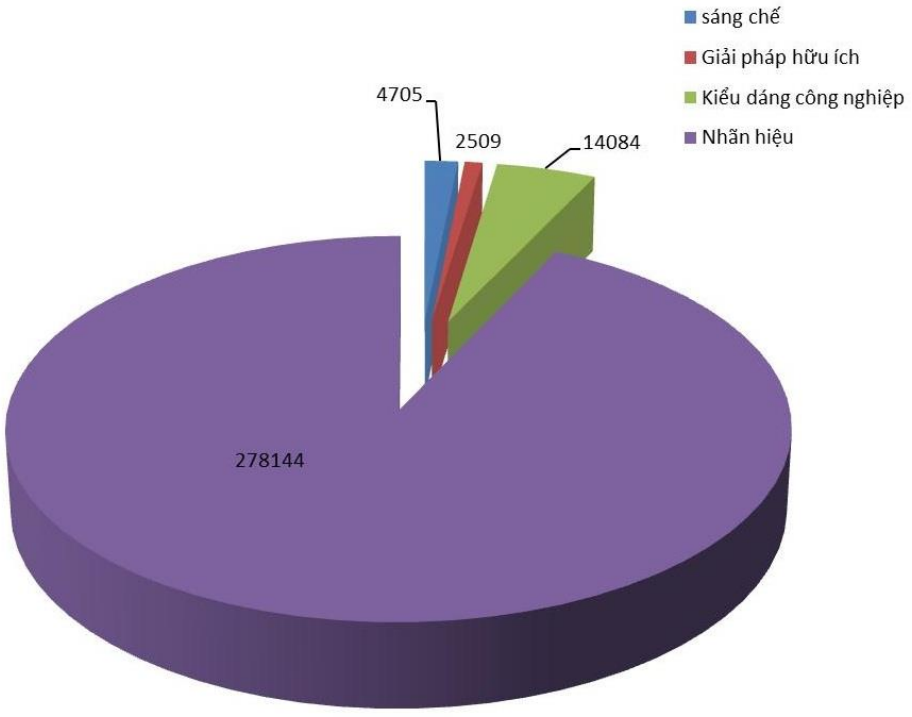

Tỷ lệ nộp đơn đăng ký các đối tượng SHCN trong giai đoạn 2011-2019

Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị dẫn đầu cả nước về số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp với 117943 đơn (chiếm 39,4%), đứng thứ hai là Hà Nội với 92110 đơn (chiếm 30,8%). Trong danh sách 10 tỉnh/thành phố có lượng đơn đăng ký các đối tượng sở hữu công nghiệp nhiều nhất, ngoài thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, có sự xuất hiện của hầu hết các tỉnh/thành phố kinh tế năng động của Việt Nam như Bình Dương, Long An, Đồng Nai, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Phòng…

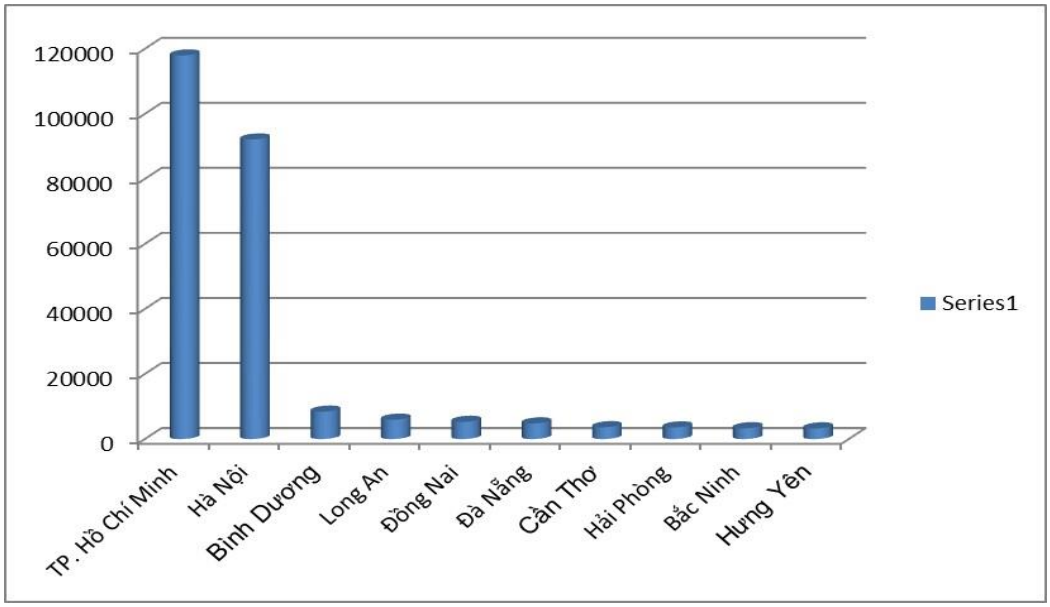

Biểu đồ 10 tỉnh/thành phố có lượng đơn đăng ký SHCN nhiều nhất tại Việt Nam

Nhãn hiệu là đối tượng sở hữu công nghiệp được nộp đơn nhiều nhất, chiếm xấp xỉ 93% tổng số đơn đăng ký sở hữu công nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội tiếp tục là hai địa phương dẫn đầu trong việc đăng ký xác lập quyền đối với nhãn hiệu. Tuy nhiên khoảng cách về số lượng đơn nhãn hiệu của các tỉnh, thành phố khác so với thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội đã dần thu hẹp hơn so với các đối tượng sở hữu công nghiệp khác là kiểu dáng công nghiệp, sáng chế và giải pháp hữu ích trong những năm gần đây.

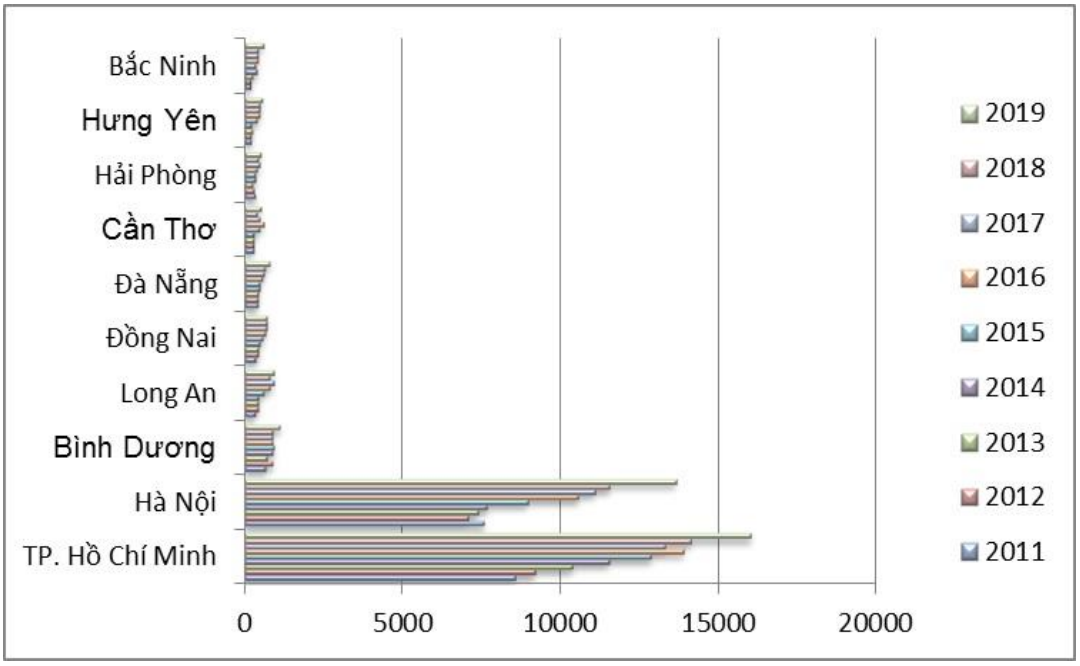

Biểu đồ 10 tỉnh, thành phố có lượng đơn đăng ký nhãn hiệu nhiều nhất trong giai đoạn 2011-2019

Tương tự số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu, giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cũng là đối tượng sở hữu công nghiệp được cấp văn bằng nhiều nhất. Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội có sự gia tăng đột biến về số lượng giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu trong năm 2019 so với các năm trước, từ khoảng 5000 giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu được cấp mỗi năm lên hơn 8000 giấy chứng nhận được cấp trong năm 2019 đối với thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội tăng từ khoảng 4000 giấy chứng nhận hằng năm lên gần 7000 giấy chứng nhận.

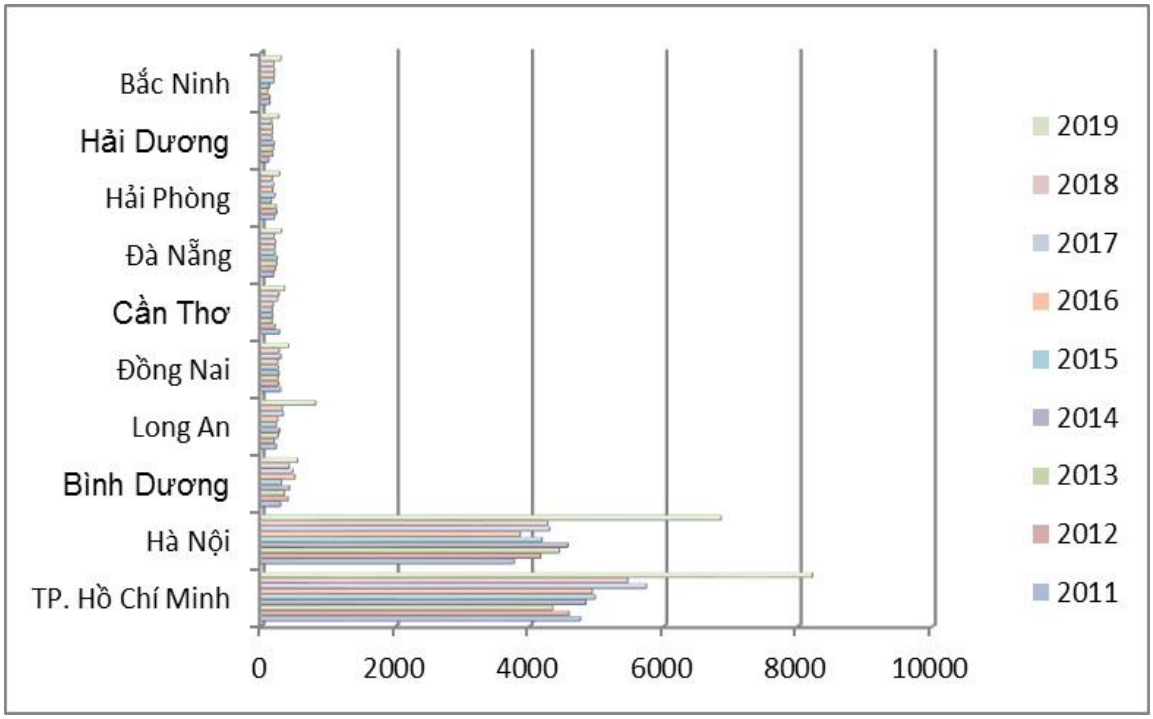

Biểu đồ 10 tỉnh/thành phố có số lượng giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhiều nhất trong giai đoạn 2011-2019

Theo thống kê của Cục sở hữu trí tuệ, năm 2020, số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu (bao gồm cả nhãn hiệu quốc gia và nhãn hiệu quốc tế) được kết thúc thẩm định nội dung tăng 12,9% so với năm 2019, trong đó số văn bằng bảo hộ cấp ra tăng 15,5%, số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu (bao gồm cả nhãn hiệu quốc gia và nhãn hiệu quốc tế) nộp vào Cục Sở hữu trí tuệ năm 2020 tăng 1,6% so với năm 2019.

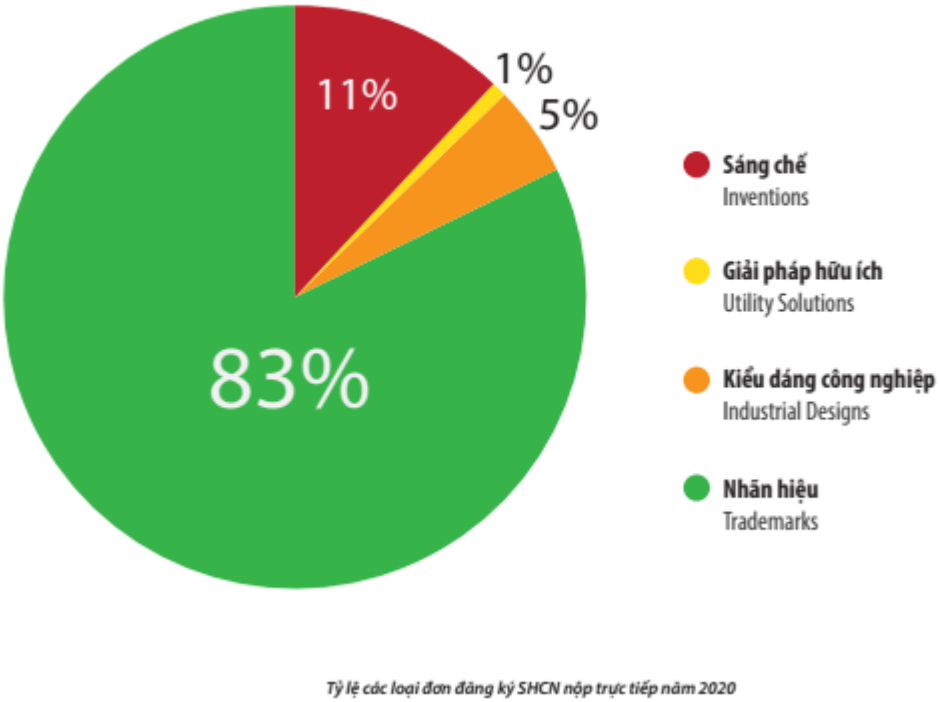

Tỷ lệ các loại đơn đăng ký sở hữu công nghệ nộp năm 2020

Tuy vậy nhưng việc đăng ký nhãn hiệu ở Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Thứ nhất là việc tra cứu nhãn hiệu chưa triệt để, rõ ràng. Khi một doanh nghiệp có ý tưởng ra đời một nhãn hiệu cho sản phẩm hàng hoá, dịch vụ của mình để xâm nhập thị trường, doanh nghiệp thường đầu tư rất nhiều thời gian, công sức và vốn để tạo ra một mẫu nhãn hiệu độc đáo, có ý nghĩa. Trước khi nộp đơn đăng ký, doanh nghiệp có tra cứu thông tin và không thấy nhãn hiệu nào trùng với nhãn hiệu của mình, doanh nghiệp tiến hành đăng ký nhãn hiệu. Nhưng thực chất, doanh nghiệp chỉ có thể tra cứu được các nhãn hiệu đã được đăng công khai trên trang đăng ký của Cục Sở hữu trí tuệ mà không thể tra được các nhãn hiệu vừa nộp đơn đăng ký. Thời gian thẩm định đơn của Cục Sở hữu trí tuệ khá lâu nên có thể doanh nghiệp đã đưa nhãn hiệu vào kinh doanh. Nếu bị ra thông báo sửa đổi, bổ sung đơn hoặc nhãn hiệu không thể đăng ký sẽ gây nhiều thiệt hại cho doanh nghiệp.

Ngoài nguyên nhân xuất phát từ bản thân doanh nghiệp thì một phần cũng là do trên thực tế, nhiều quy định, vấn đề được đưa ra trong Luật Sở hữu trí tuệ nói chung và quyền Sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu nói riêng còn chung chung, nên dẫn đến

việc thực thi thiếu hiệu quả. Luật Sở hữu trí tuệ của Việt Nam hiện nay có một vướng mắc khá lớn là trong quá trình hội nhập, chúng ta đã học hỏi được quốc tế khá nhiều kinh nghiệm để áp dụng cho Luật Sở hữu trí tuệ của ta nhưng lại chưa tính đến đặc thù của đất nước mình...

Sở hữu trí tuệ hoặc Sở hữu công nghiệp đều có yêu cầu khác nhau theo quy định của pháp luật. Để có được quyền đó, phải tùy vào đối tượng đó như thế nào. Nói chung, các đối tượng Sở hữu công nghiệp thường phải tiến hành đăng ký mới phát sinh quyền cho chủ sở hữu. Nếu như các doanh nghiệp tạo ra được các đối tượng Sở hữu công nghiệp nhưng không tiến hành đăng ký thì khả năng mất quyền đối với họ là nhãn tiền. Hoặc không còn đủ điều kiện bảo hộ hoặc bị đối tượng khác chiếm đoạt. Đây là những điều kiện bắt buộc…; Ngoài ra, để đăng ký, doanh nghiệp thường phải hiểu biết pháp luật, hiểu đối tượng Sở hữu trí tuệ để xác định xem cần đăng ký cho đối tượng nào… Nếu các doanh nghiệp tự làm được thì nộp trực tiếp cho Cục Sở hữu trí tuệ, nếu doanh nghiệp nào không làm được thì có thể thông qua các tổ chức đại diện Sở hữu trí tuệ. Ngoài quy định thủ tục của hệ thống pháp luật quốc gia, khi đăng ký ra nước ngoài, các doanh nghiệp còn phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt từ chính các quốc gia sở tại, họ có quy định riêng, thậm chí rất khác…

Việc xác định đúng đối tượng và đăng ký quyền Sở hữu trí tuệ nó quyết định đến việc thành bại của chính doanh nghiệp. Tài sản của doanh nghiệp, doanh nghiệp phải có ý thức bảo vệ… Việc tạo lập một hành lang pháp lý trước khi đưa hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ của mình ra thị trường, đặc biệt là thị trường nước ngoài, chúng ta tính đến thị trường tiềm năng… Công tác tự bảo vệ mình cũng rất quan trọng, tự bảo vệ bằng cách kiểm soát, liệu có đối thủ cạnh tranh đăng ký quyền tương tự ngay từ đầu để phản đối, khiếu nại, phối hợp với cơ quan thực thi để bảo vệ cho mình…Ví dụ, bài học từ thương hiệu Cà phê Buôn Ma Thuột, mặc dù đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý Buôn Ma Thuột cho sản phẩm cà phê nhân, sau đó, một doanh nghiệp ở Trung Quốc đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu "Buôn Ma Thuột" bằng chữ Trung Quốc. Sau đó, Việt Nam rất vất vả mới lấy lại thương hiệu "Buôn Ma Thuột" nhưng chỉ ở thị trường Trung Quốc... Giá như hơn 10 năm trước, chúng ta đăng ký nhãn hiệu này ở thị ttrường nước ngoài thì sau này, hơn 10 năm sau sẽ không có tranh chấp…

Một vấn đề khác là việc sử dụng nhãn hiệu đã được đăng ký. Một câu hỏi đặt ra là có phải tất cả các nhãn hiệu đãng đăng ký đều đang được sử dụng tại Việt Nam hay không? Câu trả lời là không. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng Nhãn hiệu đã đăng ký nhưng lại chưa bao giờ được nhìn thấy trên thị trường có thể được lý giải bằng nhiều lý do, ví dụ như một số chủ thể muốn đăng ký nhãn hiệu để đầu cơ, để ngăn chặn các

đối thủ cạnh tranh khác, để giữ chỗ cho một dự án đầu tư vào Việt Nam mà khả năng kiếm lợi nhuận có thể chưa thực sự rõ ràng, chủ sở hữu đã bị phá sản, không còn tồn tại hoặc thu hẹp thị trường,…hoặc là Cục Sở hữu trí tuệ từ chối với lý do nhãn hiệu này xung đột với nhãn hiệu của doang nghiệp khác đã đăng ký từ trước. Vì vậy dù đã có nhiều Nhãn hiệu đã được đăng ký nhưng thực tế cho thấy rằng có rất ít nhãn hiệu được đưa vào sử dụng.

2.2. Thực trạng chuyển giao quyền đối với nhãn hiệu tại Việt Nam

Chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu là việc chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao quyền sở hữu của mình cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng quyền này phải thực hiện bởi hình thức hợp đồng bằng văn bản được gọi là hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ. Chuyển giao quyền sử dụng sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu là việc chủ sử hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng nhãn hiệu của mình. Việc chuyển quyền sử dụng đối thượng sở hữu trí tuệ là nhãn hiệu cũng phải được thực hiện dưới hình thức văn bản.

Theo Điều 138 Luật sở hữu trí tuệ quy định về quy định chung về chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp”

“1. Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp là việc chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp chuyển giao quyền sở hữu của mình cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp).”

Vì vậy có thể hiểu chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu (hay còn gọi là li – xăng nhãn hiệu) là việc chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép một cá nhân, tổ chức khác sử dụng nhãn hiệu của mình trên một vùng lãnh thổ nhất định trong một khoảng thời gian nhất định, trong đó nhãn hiệu được li – xăng phải thuộc quyền sử dụng của bên giao li – xăng.

Hợp đồng chuyển quyền sử sụng nhãn hiệu được phân ra thành hợp đồng độc quyền, hợp đồng không độc quyền và hợp đồng thứ cấp. Hợp đồng độc quyền là trong phạm vi và thời hạn chuyển quyền sử dụng, bên được chuyển quyền được độc quyền sử dụng nhãn hiệu và bên chuyển quyền không được ký kết hợp đồng sử dụng nhãn hiệu với bất kỳ bên thứ ba nào; đồng thời, bên chuyển quyền chỉ được sử dụng nhãn hiệu đó nếu được phép của bên được chuyển quyền. Hợp đồng không độc quyền nghĩa là trong phạm vi và thời hạn chuyển quyền sử dụng, bên chuyển quyền vẫn được sử dụng nhãn hiệu và ký kết hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu không độc quyền với bên thứ ba. Hợp đồng thứ cấp là hợp đồng được ký kết giữa bên

chuyển quyền (vốn là bên nhận chuyển quyền) trong một hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu khác

Chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu tại Việt Nam đang ngày càng rộng rãi. Phương thức này đáp ứng nhu cầu khai thác các đối tượng của quyền sở hữu trí công nghiệp đối với nhãn hiệu, kích thích sự sáng tạo và phát triển của khoa học và công nghệ. Trong những năm gần đây, hoạt động chuyển giao quyền đối với nhãn hiệu có xu hướng gia tăng. Hiện nay, trong khi các nước tiến tới một nền kinh tế công nghệ cao, sử dụng chất xám trong mọi lĩnh vực và lấy tri thức làm động lực, công cụ phục vụ cho mọi hoạt động kinh tế - xã hội, thì quyền sở hữu trí tuệ ngày càng đóng vai trò quan trọng. Trong số tài sản trí tuệ, quyền sở hữu công nghệ thể hiện vai trò vượt trội, góp phần chuyển dịch cơ cấu tài sản trong doanh nghiệp, từ tài sản hữu hình sang các loại tài sản vô hình như là nhãn hiệu. Các chủ thể ngày càng chú trọng đến thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp nói riêng. Trong đó, phương thức chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp đã trở thành lựa chọn hàng đầu cho nhiều doanh nghiệp. Ở Việt Nam, trong giai đoạn vừa qua, hoạt động chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu này càng tăng, tuy nhiên vẫn còn chưa được quan tâm đúng mức. Trong nhiều trường hợp, hoạt động chuyển quyền sở hữu đối với nhãn hiệu gặp phải vướng mắc trong quy định pháp luật hoặc trong thực tiễn phát sinh bất cập mà chưa có quy định điều chỉnh dẫn đến hiệu quả chưa cao.

Số lượng hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đã được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ giai đoạn 2007 – 2020, phân loại theo chủ thể đăng ký

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN Number of requests for registration of assignment contracts				Số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered assignment contracts			
	Các bên ký kết/ Contracting party				Các bên ký kết/ Contracting party			
	VN-VN Vietnamese-Vietnamese	VN-NN Vietnamese-Foreigner	NN-NN Foreigner-Foreigner	Tổng số Total	VN-VN Vietnames-Vietnamese	VN-NN Vietnamese-Foreigner	NN-NN Foreigner-Foreigner	Tổng số Total
2007	287 (826)	29 (87)	208 (522)	524 (1435)	237 (670)	18 (38)	199 (461)	454 (1169)
2008	315 (751)	27 (52)	229 (574)	571 (1377)	270 (609)	36 (111)	232 (589)	538 (1309)
2009	370 (866)	50 (185)	288 (752)	708 (1803)	604 (1714)	24 (44)	20 (43)	648 (1801)
2010	369 (790)	67 (169)	214 (590)	650 (1549)	304 (696)	69 (214)	203 (505)	576 (1415)
2011	456 (958)	29 (141)	225 (848)	710 (1947)	325 (693)	37 (153)	179 (820)	541 (1666)
2012	477 (1156)	57 (288)	258 (899)	792 (2343)	357 (700)	31 (87)	206 (908)	594 (1695)
2013	513 (1214)	57 (169)	294 (690)	864 (2073)	423 (912)	60 (189)	220 (558)	703 (1659)
2014	540 (1123)	48 (172)	348 (806)	935 (2101)	456 (1116)	53 (303)	334 (802)	843 (2221)
2015	648 (1723)	51 (110)	352 (903)	1051 (2736)	492 (1413)	49 (174)	307 (827)	848 (2414)
2016	720 (1712)	43 (88)	359 (1087)	1122 (2887)	614 (1192)	46 (86)	334 (885)	994 (2163)
2017	761 (1540)	58 (129)	361 (914)	1180 (2583)	630 (1663)	46 (97)	339 (961)	1015 (2721)
2018	781 (1604)	69 (529)	398 (1231)	1248 (3364)	633 (1156)	50 (136)	267 (614)	950 (1906)
2019	901 (1908)	47 (104)	394 (958)	1342 (2970)	746 (1426)	54 (107)	376 (959)	1176 (2492)
2020	844 (1587)	59 (101)	337 (806)	1240 (2494)	725 (1492)	54 (467)	264 (705)	1043 (2664)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển nhượng quyền sở hữu)

(Nguồn: Số liệu thống kê tại Báo cáo thường niên năm 2020 của Cục sở hữu trí tuệ)

Trong đó

VN - VN: Chuyển giao giữa người Việt Nam - người Việt Nam

VN - NN: Chuyển giao giữa người Việt Nam - người nước ngoài

NN - NN: Chuyển giao giữa người nước ngoài - người nước ngoài

Trong giai đoạn trên thì số lượng hợp đồng chuyển sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp giữa người Việt Nam và người Việt Nam luôn chiếm tỉ trọng cao nhất, cho thấy thị trường chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp trong nước đang rất nhộn nhịp. Số hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp giữa người Việt Nam cho người nước ngoài có số lượng xấp xỉ số lượng hợp đồng giữa người Việt Nam và người Việt Nam. Điều này cho thấy, trong hoạt chuyển quyền sử dụng, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài thực sự quan tâm đến các đối tượng sở hữu công nghiệp ở Việt Nam, đặc biệt là đối với nhãn hiệu và sáng chế, kiểu dáng

công nghiệp của Việt Nam. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp giữa người nước ngoài với nhau đang chiếm tỉ lệ thấp trong cơ cấu trên.

Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn một số hạn chế trong hoạt động chuyển quyền sở hữu công nghiệp. Thứ nhất, vấn đề xác định giá trị của đối tượng sở hữu công nghiệp trong hoạt động chuyển quyền sở hữu công nghiệp. Trong hoạt động chuyển quyền sở hữu công nghiệp thì việc xác định giá trị của đối tượng sở hữu công nghiệp là vô cùng quan trọng, bởi nó liên quan mật thiết đến việc bảo đảm quyền lợi cho cả hai bên. Tuy nhiên, việc xác định giá trị đối tượng sở hữu công nghiệp trong thực tế chuyển giao hiện nay gặp rất nhiều khó khăn. Pháp luật sở hữu trí tuệ đã để cho các bên tham gia chuyển giao tự do, thỏa thuận ấn định nhưng lại không có bất kì định hướng nào, điều này dẫn đến việc xác định giá trị đối tượng sở hữu công nghiệp vẫn là rủi ro trong hoạt động chuyển giao.

Thứ hai, vấn đề khai thác, duy trì và phát triển các đối tượng sở hữu công nghiệp sau khi chuyển quyền sở hữu công nghiệp. Trên thực tế, có rất nhiều đối tượng sở hữu công nghiệp sau khi được chuyển nhượng quyền sở hữu thì không được sử dụng đúng cách, không tăng giá trị đối tượng sở hữu công nghiệp. Trong một số trường hợp, đối tượng sở hữu bị sử dụng bừa bãi, không phát triển dẫn đến suy giảm giá trị hoặc thậm chí biến mất trên thị trường. Nguyên nhân thường do các doanh nghiệp ít quan tâm đến vấn đề khai thác, sử dụng và phát triển đối tượng sau khi được chuyển giao và kết quả là các doanh nghiệp kể trên thường phải trả giá đắt.

Vì vậy, chuyển quyền sở hữu công nghiệp là một phương thức hữu hiệu trong thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ nói chung, giúp đẩy mạnh hoạt động sáng tạo, nghiên cứu khoa học và góp phần chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế. Khai thác các giá trị của đối tượng sở hữu công nghiệp từ hình thức chuyển quyền sử dụng đem lại hiệu quả kinh tế rất lớn. Đẩy mạnh phát triển hình thức chuyển quyền sử dụng là hoạt động tạo ra giá trị cho cả doanh nghiệp và Nhà nước. Do đó, Nhà nước và các doanh nghiệp cần quan tâm và tập trung nguồn lực để thương mại hoá quyền sở hữu công nghiệp, thông qua hình thức chuyển quyền sở hữu công nghiệp.

2.3. Thực trạng xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, đặc biệt kể từ khi có Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và việc Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới thì hoạt động đăng ký xác lập quyền Sở hữu công nghiệp đã và đang ngày càng nhận được sự quan tâm của cộng đồng doanh nghiệp, của các tổ chức, cá nhân sáng tạo. Theo thống kê của Cục sở hữu trí tuệ tình hình đăng ký quyền của các chủ thế và số văn bằng được cấp ngày càng tăng. Cùng với sự gia tăng của các đơn đăng ký xác lập và cấp văn bằng bảo hộ

quyền Sở hữu công nghiệp thì Việt Nam cũng như các nước đang phải đối mặt với tình trạng xâm phạm quyền quyền Sở hữu công nghiệp diễn ra khá gay gắt, gây nên những bức kxúc không chỉ cho các chủ thể quyền Sở hữu công nghiệp mà còn cho chính người tiêu dùng và xã hội.

Để quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu được thực thi tốt ở Việt Nam thì một trong những nhiệm vụ đặt ra cho Nhà nước ta đó là việc phải xử lý triệt để các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu. Theo quy định của pháp luật hiện hành, khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, các chử thể có quyền đối với nhãn hiệu có thể yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu bên xâm phạm phải chấm dứt hành vi xâm phạm của mình, tịch thu hàng hoá, yêu cầu bồi thường bằng một trong những biện pháp sau: xử lý bằng biện pháp hành chính, biện pháp dân sự, biện pháp hình sự, biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất nhập khẩu. Tuỳ thuộc theo tính chất và mức độ xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu có thể lựa chọn những biện pháp phù hợp.

- *Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự.*

Các con số thống kê về tình hình đăng ký quyền của các chủ thế và số văn bằng được cấp ngày càng tăng. Theo thống kê của Cục sở hữu trí tuệ, từ năm 2007 đến nay, việc đăng ký và cấp chứng nhận bảo hộ tăng bình quân hằng năm 20%, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tăng 25% - 30%, đăng ký bảo hộ các sáng chế cũng tăng 10% - 15%.

Cùng với sự gia tăng của các đơn đăng ký xác lập và cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì Việt Nam cũng như các nước đang phải đối mặt với tình trạng xâm phạm quyền quyền sở hữu trí tuệ với nhãn hàng diễn ra khá gay gắt, gây nên những bức xúc không chỉ cho các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ với nhãn hàng mà còn cho chính người tiêu dùng và xã hội.

Phân tích số liệu chung về tình hình xâm phạm và xử lý xâm phạm qua các con số của cơ quan hành chính cho thấy: số vụ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ bị phát hiện tăng lên nhanh chóng qua các năm. Theo nguồn của Báo cáo của Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ tại "Hội thảo sở hữu trí tuệ, cạnh tranh và thực thi quyền sở hữu trí tuệ: kinh nghiệm của Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia" diễn ra ngày 4-5/6/2013 tại Hà Nội thì năm 2012, Thanh tra Khoa học và Công nghệ đã tiến hành thanh tra 69 cơ sở, đã phát hiện và xử phạt 36 trường hợp có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp với số tiền 859 triệu đồng. Thanh tra Khoa học và Công nghệ đã buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên 25.703 sản phẩm, buộc tiêu hủy và tịch thu tiêu hủy 7.462 sản phẩm chứa đựng các dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định

của pháp luật. Riêng Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành 38 cuộc thanh tra trong lĩnh vực này, đã phát hiện và xử lý 20 trường hợp vi phạm với tổng số tiền phạt lên tới 831 triệu đồng và đã thực thu cho ngân sách. Thanh tra Bộ đã phối hợp với Cục Quản lý thị trường xử lý 01 trường hợp và với lực lượng cảnh sát điều tra xử lý 36 trường hợp. Năm 2012, Cơ quan quản lý thị trường các địa phương và trung ương đã tiến hành xử lý 9556 vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trong đó có 61 vụ xâm phạm quyền tác giả/quyền liên quan, 8999 vụ giả mạo nhãn hiệu, 67 vụ xâm phạm quyền nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp, 422 vụ sử dụng tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả mạo và 07 vụ vi phạm giống cây trồng. Tổng số tiền xử phạt 5,8 tỷ đồng, giá trị hàng hóa vi phạm bị phát hiện và xử lý là 3,8 tỷ đồng. Năm 2012, Cơ quan Hải quan cũng đã tiếp nhận và xử lý gần 100 yêu cầu của các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đề nghị kiểm tra, giám sát tại biên giới. Tính đến thời điểm năm 2012 ngành hải quan có tất cả 106 đơn yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới với khoảng gần 300 nhãn hiệu hàng hóa các loại. Cơ quan Hải quan đã xử lý 101 vụ, xử phạt với số tiền khoảng 300 triệu đồng, đồng thời đã tịch thu xử lý hàng chục ngàn sản phẩm vi phạm các loại (như: rượu, thuốc lá, mỹ phẩm, quần áo, điện thoại di động… xâm phạm các nhãn hiệu đang được bảo hộ tại Việt Nam). Theo báo cáo của Cục Cảnh sát kinh tế (Bộ Công an), riêng năm 2012, lực lượng cảnh sát kinh tế của 44 tỉnh/thành phố đã phát hiện 276 vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sản xuất buôn bán hàng giả, trong đó đã khởi tố 66 vụ, 74 bị can (có 26 vụ xâm phạm nhãn hiệu), phạt tiền hơn 2,4 tỷ đồng. So với năm 2011, số vụ phát hiện đã tăng 107 vụ, số vụ khởi tố tăng 48 vụ (năm 2011, lực lượng cảnh sát kinh tế đã phát hiện 169 vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sản xuất, buôn bán hàng giả, 214 đối tượng, trong đó đã khởi tố 18 vụ, 30 bị can).

Khác với nhiều nước trên thế giới, việc bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp chủ yếu bằng biện pháp dân sự và do hệ thống tư pháp đảm trách, các cơ quan hành chính khác chỉ thực hiện những biện pháp ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp ban đầu để đảm bảo tính tức thì của hoạt động thực thi. Theo họ, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp bằng biện pháp dân sự cần được đề cao và được đánh giá là có nhiều ưu điểm hơn so với biện pháp hành chính, hình sự bởi biện pháp dân sự đã phần nào bảo đảm được trình tự, thủ tục công khai, công bằng để người tham gia tố tụng dân sự thực hiện được các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình tại Toà án nhân dân, bảo đảm được các nguyên tắc, thủ tục tố tụng đầy đủ, có hệ thống, xác định được rõ chức năng, thẩm quyền của cơ quan và người tiến hành tố tụng, thẩm quyền của mỗi cấp Tòa án trong việc giải quyết các vụ việc dân sự. Tuy nhiên, tại Việt nam, thực tiễn giải quyết các tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ tại Toà án nhân dân bằng biện

pháp dân sự lại không đem lại kết quả như mong muốn. Theo số liệu thống kê của Toà án nhân dân tối cao, việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ từ năm 2000 đến năm 2005 (giai đoạn trước khi có Luật sở hữu trí tuệ) của toàn ngành Tòa án như sau: thụ lý 93 vụ án, đã giải quyết 61 vụ án, trong đó: đình chỉ, tạm đình chỉ 16 vụ án; hòa giải thành 12 vụ án; đưa ra xét xử 33 vụ án (bao gồm 11 vụ án tranh chấp quyền tác giả và quyền liên quan, 22 vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ). Kể từ khi Luật sở hữu trí tuệ có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/7/2006), tình hình giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án cũng không có sự chuyển biến đáng kể, theo số liệu thống kê của Toà án nhân dân tối cao từ 01/7/2006 cho đến ngày 22/6/2009, toàn ngành Tòa án chỉ thụ lý được 108 vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ (trong đó chiếm đa số là tranh chấp về quyền tác giả với 90 vụ; tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ chiếm 10 vụ; tranh chấp về hợp đồng sử dụng tác phẩm chiếm 5 vụ; tranh chấp về hợp đồng chuyển giao công nghệ chiếm 3 vụ). Năm 2018, Thanh tra Bộ đã thanh tra, xử lý đối với 40 đối tượng vi phạm về sở hữu công nghiệp, tổng số tiền phạt là 366,2 triệu đồng. Tính đến 09 tháng đầu năm 2019, số lượng đơn Thanh tra Bộ KH&CN đã tiếp nhận khoảng hơn 90 đơn trong khi đó đã giải quyết được 72 đơn đề nghị xử lý vi phạm về sở hữu công nghiệp (gấp đôi số lượng đơn giải quyết của năm ngoái), trong đó đã tiến hành 46 cuộc thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính 20 đối tượng vi phạm với tổng số tiền phạt 730,4 triệu đồng.

Theo Báo cáo Tổng kết Chương trình hành động phòng, chống xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2012-2015, số liệu thực thi và giải quyết tranh chấp quyền SHTT của các bộ, ngành có liên quan được thống kê như sau:

Cơ quan	2012	2013	2014	2012-2015
Thanh tra KH&CN	69 vụ (38 vụ do Thanh tra Bộ tiến hành)	142 vụ	113 vụ (64 vụ do Thanh tra Bộ tiến hành)	473 vụ
Công an kinh tế	276 (khởi tố 66 vụ)	560 (khởi tố 38 vụ)	665 (khởi tố 120 vụ)	2.047 (khởi tố 381 vụ)
Quản lý thị trường	9556 vụ (giả, kém CL, XP quyền)	13.037 vụ (giả, kém CL, XP quyền)	17.396 vụ (giả, kém CL, XP quyền)	22.441 (hàng giả, XP quyền)
Hải quan	101 vụ (cả	Không có báo	24 vụ (Cục	Không có

	ngành)	cáo số lượng vụ việc	ĐT chống buôn lậu xử lý)	báo cáo số lượng vụ việc
Tòa án	Giải quyết: 177 vụ việc (i) xét xử: 55 (12 vụ án hình sự); (ii) công nhận thỏa thuận:16; (iii) chuyển:15; (iv) đình chỉ 91			

Như vậy, số vụ việc xâm phạm quyền SHCN được xét xử tại Toà án rất khiêm tốn so với việc xử lý của các cơ quan chức năng khác. Thực tế trên dẫn đến hệ quả là chủ thể quyền không chủ động bảo vệ quyền dân sự bằng biện pháp dân sự, và theo hướng ngược lại cơ chế dân sự có rất ít tác dụng để giải quyết tranh chấp xảy ra trong quá trình sử dụng đối tượng SHTT.

- *Xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu bàng biện pháp hành chính.*

Việc áp dụng biện pháp hành chính thuộc thẩm quyền của các cơ quan Thanh tra, Công An,… nhằm xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu như xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu gây thiệt hại cho chủ sở hữu, người tiêu dùng hoặc cho xã hội, sản xuất, nhập khẩu, buôn bán hàng hoá giả mạo về nhãn hiệu,…

Ở Việt Nam, việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ngày càng được quan tâm, nhất là khi pháp luật sở hữu trí tuệ ra đời, các cá nhân, tổ chức đã dần ý thức được tầm quan trọng giá trị của quyền sở hữu trí tuệ và có các biện pháp bảo vệ. Tuy vậy, trên thực tế sự vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ diễn ra rất nhanh và dần trở thành "như cơm bữa". Hàng năm có dến hàng ngàn vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Hàng loạt các sản phẩm có nhãn hiệu "na ná" các nhãn hiệu nổi tiếng hoặc "treo đầu dê bán thịt chó" không rõ nguồn gốc xuất xứ nhưng lại gắn mác xuất tại Việt Nam.

Trong giai đoạn hiện nay được thực hiện bằng nhiều phương thức, thủ đoạn mới như áp dụng công nghệ cao, sử dụng các thiết bị hiện đại để sản xuất hàng hoá làm cho người tiêu dùng và cơ quan quản lý thị trường khó phát hiện thật/giả. Nhất là hiện nay khi nhu cầu mua sắm online trên các trang thương mại điện tử như ngày càng nhiều thì việc mua phải các sản phẩm kém chất lượng, không đúng mẫu cũng là điều dễ thấy. Các hành vi vi phạm này ngày càng nguy hiểm hơn ở tính chất vi phạm, có tổ chức chặt chẽ không những trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam mà còn mở rộng đối với tổ chức và cá nhân nước ngoài.

Thực tế cho thấy việc vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ luôn tạo ra siêu lợi nhuận nhưng mức xử phạt lại chủ yếu dừng ở mức xử phạt hành chính và chưa đủ sức răn đe đối với đối tượng vi phạm. Ví dụ mức phạt cao nhất đối với hành vi xâm phạm

quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp là 250.000.000 đồng (Theo điều 11 Nghị định 99/2013/ NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp). Do vậy, cần phải thống nhất quy định giữa các văn bản pháp luật, đồng thời phải có biện pháp mạnh tay hơn trong việc phát hiện và xử lý các đối tượng vi phạm.

- *Xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu bằng biện pháp hình sự.*

Biện pháp hình sự được áp dụng đối với người nào cố ý thực hiện các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam với quy mô thương mại. Khi phát hiện có hành vi xâm phạm quyền sở hữu, chủ thể có thể nộp đơn lên các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hình sự được xử lý theo sơ đồ sau: (Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ: https://thanhtra.most.gov.vn)

Sơ đồ xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hình sự

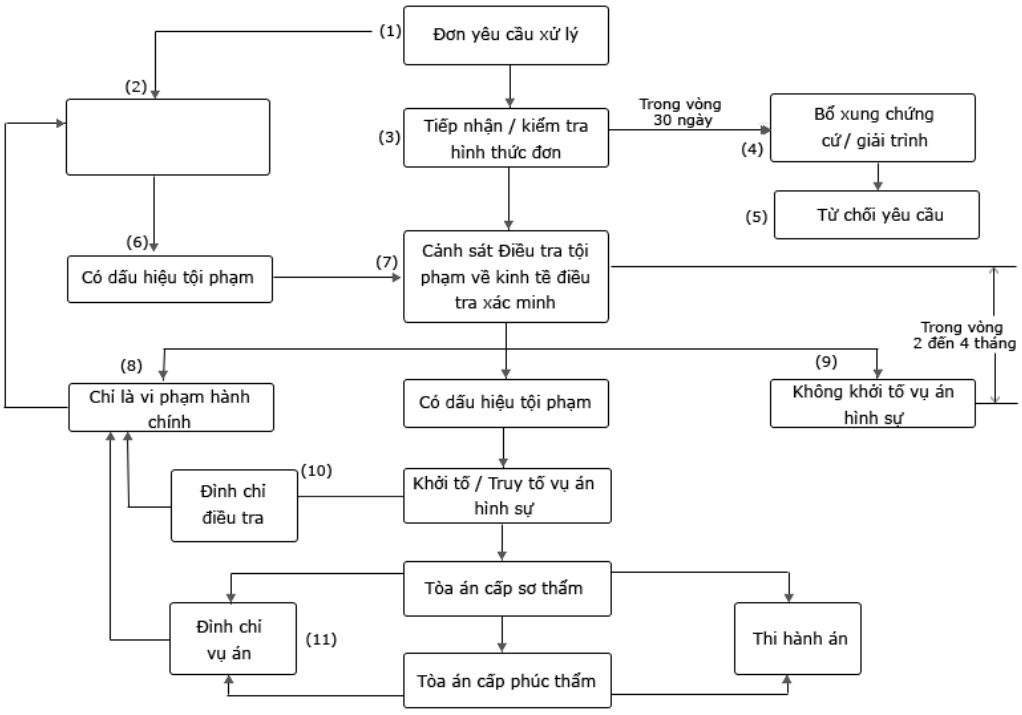

(1) Chủ thể quyền, đại diện chủ thể quyền (Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP), chỉ khởi tố theo đề nghị của Chủ thể quyền (Điều 105 Bộ Luật tố tụng Hình sự).

(2) Các cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm quyền bằng biện pháp hành chính: (i) Thanh tra Khoa học và Công nghệ; (ii) Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (iii) Cơ quan Quản lý thị trường; (iv) Cảnh sát Kinh tế; và (v) Cơ quan Hải quan.

(3) Kiểm tra: (i) chứng cứ chứng minh là chủ thể quyền của người nộp đơn, (ii) thông tin về về hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc để phát hiện hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định 105/2005/NĐ-CP).

(4) Trong trường hợp đơn yêu cầu xử lý xâm phạm chưa đủ tài liệu, chứng cứ, hiện vật cần thiết, thì cơ quan xử lý xâm phạm yêu cầu người nộp đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ (khoản 3 Điều 27 Nghị định 105/2006/NĐ-CP).

(5) Nếu không đáp ứng được các yêu cầu tại điểm (4) (khoản 4 Điều 27 Nghị định 105/2006/NĐ-CP)

(6) Các cơ quan tại điểm (2) chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 62 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, khoản 8 Điều 2 Nghị định 106/NĐ-CP).

(7) Thời hạn điều tra (Điều 119 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

(8) Nếu không có dấu hiệu tội phạm mà hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan tiến hành tố tụng (theo thủ tục tố tụng hình sự) phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm và đề nghị người có thẩm quyền tại điểm (2) xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đó (Điều 63 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính).

(9) Không khởi tố khi: (i) không có sự việc phạm tội, (ii) hành vi không cấu thành tội phạm, (iii) người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự, (iv) gười mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật, (v) đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, (vi) tội phạm đã được đại xá, (vii) người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác (Điều 107 Bộ Luật tố tụng hình sự).

(10) Trong trường hợp: (i) người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm (khoản 2 Điều 105), (ii) các trường hợp tại điểm (9), (iii) người thực hiện hành vi tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, (iv) người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự, (v) người chưa thành niên phạm tội, (vi) khi đã hết thời hạn gia hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm (khoản 2 Điều 105, Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 19, Điều 25, khoản 2 Điều 69 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 164 Bộ luật tố tụng hình sự).

(11) Trong trường hợp nêu tại điểm (10) (Điều 169, Điều 180, Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự).

Sơ đồ trên đã cho thấy Việt Nam đã có sự quan tâm và có những biện pháp mạnh đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên thủ tục tố tụng hình sự kéo dài, không giữ được bí mật trong quá trình giải quyết vụ việc. Trên thực tế hiệu quả

bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hình sự còn nhiều hạn chế từ quy định của pháp luật hình sự.

- *Xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp kiểm soát biên giới*

Biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan được tiến hành theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ tại Việt Nam, nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính đối với hành vi xâm phạm.

Đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát lô hàng nhằm thu thập thông tin để thực hiện quyền yêu cầu áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính.

Để thực hiện biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có nghĩa vụ chứng minh mình là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, cung cấp đầy đủ thông tin để xác định hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và nộp khoản tiền hoặc chứng từ bảo lãnh của tổ chức tín dụng với trị giá bằng 20% giá trị lô hàng cần áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan. Trong trường hợp không có cơ sở chứng minh hàng hóa đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì chủ thể yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và thanh toán các chi phí phát sinh cho người bị áp dụng biện pháp kiểm soát.

Xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp tạm dừng thủ tục hải quan được xử lý theo sơ đồ sau: (Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ: https://thanhtra.most.gov.vn)

Sơ đồ thủ tục áp dụng biện pháp tạm dừng thủ tục hải quan

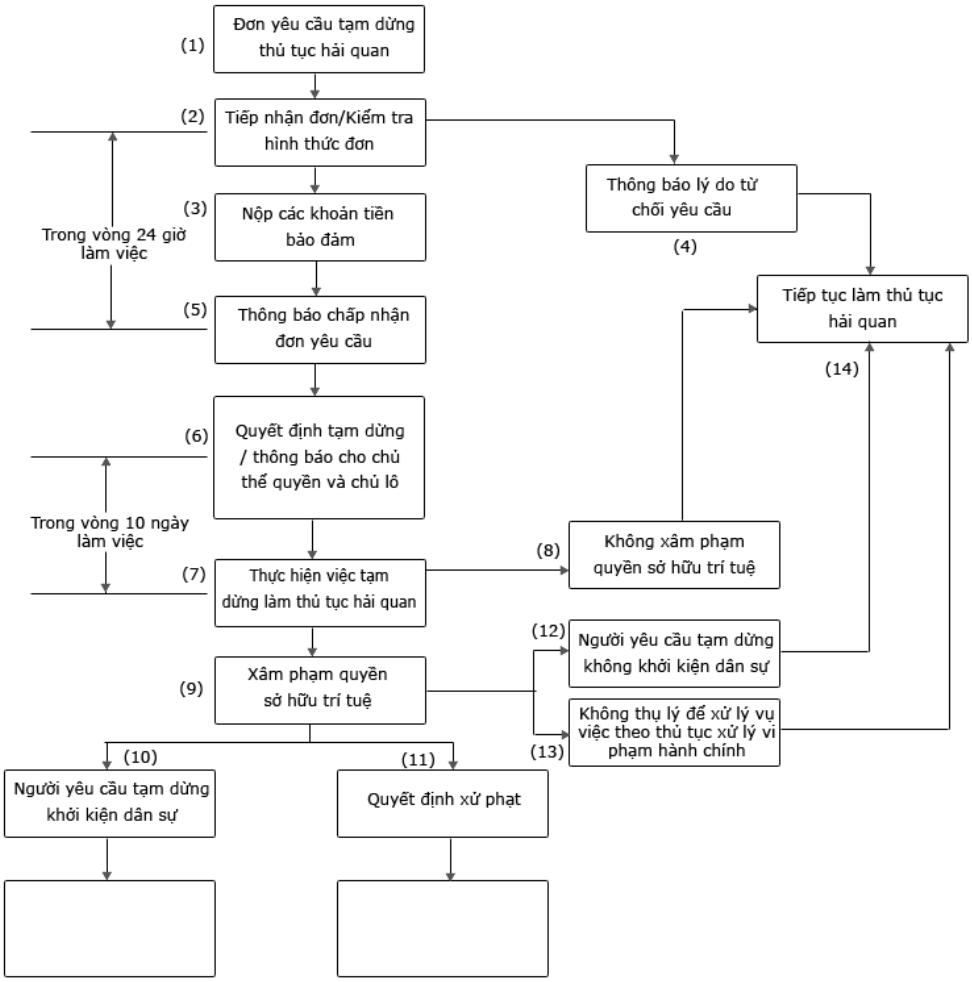

(1) Chủ thể quyền hoặc thông qua đại diện sở hữu công nghiệp nộp Đơn yêu cầu tạm dừng thủ tục hải quan (Điều 34 Nghị định 105/2006/NĐ-CP).

(2) Kiểm tra: (i) chứng cứ chứng minh là chủ thể quyền của người nộp đơn, (ii) thông tin về về hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc để phát hiện hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định 105/2006/NĐ-CP, khoản 3 Điều 48 Nghị định 154/2005/NĐ-CP)

(3) Người đề nghị phải nộp khoản tiền bằng 20% giá trị lô hàng, hoặc 20 triệu đồng (nếu không xác định được giá trị lô hàng tạm dừng) hoặc chứng từ bảo lãnh của ngân hàng /tổ chức tín dụng (Điều 217 Luật SHTT)

(4) Cơ quan hải quan ra thông báo từ chối yêu cầu tạm dừng thủ tục hải quan nếu người nộp đơn không đáp ứng yêu cầu tại điểm (2) và điểm (3) (Điều 36 Nghị định 105/2006/NĐ-CP).

(5) Cơ quan hải quan ra thông báo chấp nhận yêu cầu tạm dừng thủ tục hải quan khi người nộp đơn đáp ứng yêu cầu tại điểm (2) và điểm (3) (Điều 36 Nghị định 105/2006/NĐ-CP).

(6) Phát hiện hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm, cơ quan hải quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan (theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc để

thực hiện thẩm quyền xử phạt hành chính) (Điều 36, Điều 37 Nghị định 105/2005/NĐ-CP, Điều 51 Nghị định 154/2005/NĐ-CP)

(7) Thực hiện biện pháp tạm dừng và dành thời gian cho các bên liên quan bổ sung chứng cứ, lập luận, tài liệu và kiểm tra xác định tình trạng pháp lý về sở hữu trí tuệ để chứng minh việc có hay không có hành vi xâm phạm quyền SHTT (Điều 51 Nghị định 154/2005/NĐ-CP).

(8) Trong trường hợp không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: (i) Kết quả xác định tình trạng pháp lý về sở hữu trí tuệ khẳng định rằng lô hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, (ii) Quyết định của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ, trong đó khẳng định lô hàng bị tạm dừng thủ tục hải quan không phải là hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Thì cơ quan hai quan tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng.

(9) Trong trường hợp cơ quan hải quan kết luận hàng hoá bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì chủ hàng hóa và hàng hóa bị xử lý theo biện pháp tại

điểm (10) hoặc điểm (11) tùy theo sự lựa chọn của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.

(12) Trong trường hợp cơ quan hải quan kết luận hàng hoá bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo điểm 9 nhưng chủ thể quyền không thực hiện việc khởi kiện dân sự

(13) Cơ quan Hải quan không quyết định xem xét việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính (Điều 214, 215 Luật Sở hữu trí tuệ) Thì lô hàng bị tạm dừng sẽ tiếp tục được làm thủ tục hải quan (Điều 219 Luật Sở hữu trí tuệ).

(14) Cơ quan hải quan tiếp tục làm thủ tục hải quan khi: (i) Đơn yêu cầu tạm dừng bị từ chối; (ii) người yêu cầu rút đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan; (iii) kết thúc thời hạn tạm dừng nhưng Cơ quan Hải quan không nhận được đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người nộp đơn hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc toà án xác nhận đã tiếp nhận đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến lô hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan; (iv) kết quả xác định tình trạng pháp lý về sở hữu trí tuệ khẳng định rằng lô hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; (v) Người yêu cầu tạm dừng không khởi kiện dân sự; (vi) Cơ quan Hải quan không thụ lý để xử lý vụ việc theo thủ tục xử lý vi phạm hành chính; (vii) Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan bị đình chỉ hoặc thu hồi theo quyết định giải quyết khiếu nại.
(Khoản 3 Điều 218 Luật SHTT, Điều 52 Nghị định 154/2005/NĐ-CP, khoản 1 Điều 36, Điều 37 Nghị định 105/2006/NĐ-CP, Điều 219 Luật SHTT).

2.4. Một vài bất cập trong việc bảo hộ quyền đối với nhãn hiệu tại Việt Nam

Thời gian giải quyết vụ việc tại Toà án nhân dân kéo dài, phức tạp. Thời gian giải quyết tại Toà án kéo dài, xét xử nhiều lần, nhiều cấp, gây tốn kém thời gian và tiền bạc. Việc thi hành các bản án dân sự do Toà an phán quyết là rất khó khăn và việc các bản án có hiệu lực pháp luật chưa được thực thi trong thực tế. không những vậy, việc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra cho chủ sở hữu nhãn hiệu gặp rất nhiều khó khăn bởi nguyên tắc phải chứng minh trước Toà về mức độ thiệt hại ho hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu gây ra.

Năng lực của cán bộ làm công tác thực thi sở hữu trí tuệ chưa đáp ứng được nhu cầu. Năng lực giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu của cán bộ làm công tác thực thi sở hữu trí tuệ chưa đáp ứng được nhu cầu mà thực tế đề ra. Pháp luật về bảo hộ quyền là lĩnh vực pháp luật còn khá mới ở Việt Nam. Mặc dù trong thời gian gần đây Nhà nước đã có sự quan tâm đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật sở hữu trí tuệ cho đội ngũ cán bộ có thẩm quyền nhưng do tính phức tạp và đa dạng của các vụ tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trong thực tế nên các cán bộ có thẩm quyền vẫn gặp không ít khó khăn trong việc giải quyết các vụ án tránh chấp về quyền sở hữu trí tuệ vì chưa đủ trình độ chuyên sâu về sở hữu trí tuệ.

Thiếu sự phối hợp xử lý một cách khoa học giữa các cơ quan chuyên trách. Trong nhiều trường hợp, việc nhàn nhận, đánh giá về các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền không thống nhất được quan điểm. Hiện nay Việt Nam có các cơ quan được giao trách nhiệm bảo đảm thực thi về Sở hữu trí tuệ là Toà án, Thanh tra, Công an, Hải quan, Uỷ ban nhân dân các cấp. Việc có nhiều cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý trong khi sự phối hợp giữa các cơ quan này chưa hợp lý gây ảnh hưởng đến hiêu quả thực thi pháp luật.

Ý thức pháp luật còn hạn chế. Nhận thức của các doanh nghiệp và người tiêu dùng về quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu còn hạn chế, chưa hình thành tâm lý tôn trọng pháp luật và tuân thủ pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu.

Việc tra cứu nhãn hiệu chưa triệt để, rõ ràng. Khi doanh nghiệp muốn đăng ký một nhãn hiệu mới thì việc đầu tiên là phải tra cứu thông tin xem nhãn hiệu của mình có bị trùng lặp hay tương tự với nhãn hiệu của doanh nghiệp khác hay không. Nhưng những thông tin mà các doanh nghiệp có thể tra được là những nhãn hiệu đã được công nhận quyền bảo hộ còn những nhãn hiệu vừa được nộp đơn hay đang trong quá trình xử lý thì lại không thể tra cứu được. Vì vậy mà các doanh nghiệp không thể biết được nhãn hiệu của mình có bị trung hay tương tự với nhãn hiệu đã được nộp đơn

trước đó của các doanh nghiệp khác hay không. Việc này có thể gây thiệt hại cho doanh nghiệp nếu như đơn đăng ký của họ không được chấp nhận.

CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU TẠI VIỆT NAM

3.1. Định hướng

Việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã mang lại nhiều tác động tích cực cho nền kinh tế Việt Nam khiến cho thị trường hàng hóa và dịch vụ ngày càng đa dạng, phong phú. Đi kèm với sự phát triển của thị trường là môi trường cạnh tranh giữa các chủ thể kinh doanh ngày càng trở nên sôi động. Bên cạnh những hoạt động kinh doanh lành mạnh, đúng pháp luật thì cũng xuất hiện nhiều sai phạm trong cạnh tranh. Nhiều chủ thể kinh doanh với mục đích thu lợi nhanh chóng đã tìm mọi cách để hưởng lợi không đúng luật từ thành quả đầu tư của người khác. Sở hữu trí tuệ (SHTT) là một trong các lĩnh vực xuất hiện nhiều vi phạm. Thực tế cho thấy, hầu như mọi chủng loại sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đều có thể chứa yếu tố vi phạm về SHTT. Trong các đối tượng SHTT thì nhãn hiệu là đối tượng dễ bị xâm phạm quyền nhất.

Đặc biệt là gần đây, Việt Nam đã hoàn tất việc đàm phán, ký kết một số hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có các FTA thế hệ mới như Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA). Nước ta cũng đang trong quá trình đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa ASEAN và 6 đối tác (Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand - RCEP). TPP, EVFTA và RCEP được gọi là những "FTA thế hệ mới" do có những đặc điểm mới so với các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết trước đây, đó là: mức độ tự do hóa (mở cửa thị trường) rất sâu; phạm vi cam kết rất rộng, ngoài các lĩnh vực truyền thống như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, các FTA thế hệ mới còn bao gồm những cam kết về nhiều lĩnh vực mới như doanh nghiệp nhà nước, mua sắm Chính phủ, thương mại điện tử, lao động - công đoàn, môi trường, minh bạch và chống tham nhũng…; khác với các FTA trước đây chủ yếu ảnh hưởng tới chính sách thuế quan tại biên giới, các FTA thế hệ mới có nhiều cam kết ảnh hưởng trực tiếp và lớn đến thể chế, chính sách pháp luật nội địa; các FTA thế hệ mới có sự tham gia của những đối tác thương mại đặc biệt lớn của Việt Nam như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc.

Do vậy, quá trình đổi mới, hoàn thiện thể chế, pháp luật trong nước cần được thực hiện một cách đồng bộ, kịp thời. Để thực hiện có hiệu quả hơn nữa tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, một nhu cầu cấp thiết hiện nay là tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, "khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện luật pháp trực tiếp liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với Hiến pháp, tuân thủ đầy đủ, đúng đắn các quy luật của kinh tế thị trường và các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế;

nội luật hóa theo lộ trình phù hợp những điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trước hết là luật pháp về thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, lao động - công đoàn… bảo đảm tranh thủ được thời cơ, thuận lợi, vượt qua các khó khăn, thách thức từ việc tham gia và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới".

Hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật sở hữu trí tuệ nói riêng không chỉ xuất phát từ nhu cầu đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, mà còn xuất phát từ nhu cầu phát triển tự thân của nền kinh tế Việt Nam hiện nay. Trong bối cảnh nhân loại đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, kinh tế toàn cầu ở vào giai đoạn phát triển cao của nền kinh tế tri thức, các thành quả sáng tạo - đối tượng bảo hộ của quyền sở hữu trí tuệ - ngày nay được các nhà kinh tế học hiện đại coi là động lực cơ bản để phát triển kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Khác với vài thập kỷ trước đây khi các quốc gia chạy đua trong các ngành công nghiệp sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên, vốn và lao động, hiện nay hầu hết các nước, kể cả các nước phát triển và đang phát triển, đều cạnh tranh bằng cách chạy đua về công nghệ. Trước tình hình đó, Việt Nam thực hiện chủ trương *đổi mới mô hình tăng trưởng*, "chuyển dần từ dựa vào gia tăng số lượng các yếu tố đầu vào của sản xuất sang dựa vào tăng năng suất, chất lượng lao động, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo", với trọng tâm ưu tiên là "hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn, thuận lợi cho khởi nghiệp và đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học - công nghệ".

3.2. Đề xuất , giải pháp

3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu.

- Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật quốc gia. Quá trình phát triển kinh tế xã hội và bối cảnh hội nhập đã đặt ra yêu cầu đánh giá, rà soát và sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ nhằm tạo điều kiện tối ưu cho người dân và doanh nghiệp. Yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu trí tuệ đã được đề cập trong các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước (Nghị quyết số 11-NQ/TW của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII xác định một trong những nhiệm vụ và giải pháp để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là "hoàn thiện thể chế về sở hữu trí tuệ theo hướng khuyến khích sáng tạo, bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy cao; quyền sở hữu trí tuệ được bảo vệ và thực thi hiệu quả". Điều này tiếp tục được khẳng định trong phần Phương hướng, nhiệm vụ của dự thảo Báo cáo tổng kết thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, xây dựng

chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021- 2030 trình Đại hội Đảng lần thứ XIII: hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về sở hữu trí tuệ, tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ). Chính vì vậy, công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ luôn được Cục Sở hữu trí tuệ xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

- Các quy định liên quan đến xác định chủ thể nắm giữ quyền tài sản sẽ được quy định rõ ràng và cụ thể hơn, giúp cho quá trình chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng trong các hợp đồng chuyển nhượng, chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp được thuận lợi hơn.
- Các quy định liên quan đến việc xác định quyền sở hữu, quyền khai thác đối với các nghiên cứu khoa học do nhà nước đầu tư vốn sẽ được quy định rõ ràng và chi tiết hơn, để từ đó khuyến khích phong trào biến các kết quả nghiên cứu thành các tài sản được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí), tạo tiền đề để khai thác thương mại đối với các tài sản này trên thị trường được hiệu quả hơn.
- Các quy định liên quan đến thủ tục, thời hạn, thành phần hồ sơ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cũng cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng gọn nhẹ, nhanh chóng, thuận tiện, minh bạch để khuyến khích, gia tăng hoạt động đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ nhằm tạo cơ sở, bằng chứng vững chắc trong việc xác định chủ thể quyền và đối tượng được bảo hộ, làm tiền đề cho việc khai thác quyền cũng như thực thi quyền sau này.
- Các quy định liên quan đến bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ cần được rà soát, cân đối để bảo đảm mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng giữa một bên là quyền lợi của chủ thể quyền và một bên là quyền sử dụng, quyền tiếp cận tri thức, công nghệ của xã hội.
- Các quy định liên quan đến thực thi quyền sẽ được sửa đổi nhằm bảo đảm cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được hiệu quả, hợp lý và khả thi hơn. Theo đó, việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính sẽ được quy định cụ thể, tránh chồng lấn sang các biện pháp mang bản chất dân sự, hoàn thiện các quy định về thực thi quyền trong môi trường số, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến cách thức và phạm vi áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới đối với hàng xuất, nhập khẩu.
- Các quy định hiện có trong Luật sở hữu trí tuệ nhưng chưa hoàn toàn tương thích với các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam mới là thành viên (như cơ chế bảo mật dữ liệu thử nghiệm đối với nông hóa phẩm; kiểm soát biên giới của cơ quan hải quan v.v.) hay các quy định chưa xuất hiện nhưng phải thi hành theo cam kết quốc tế (như bảo hộ nhãn hiệu âm thanh; cơ chế đền bù cho chủ sở hữu sáng chế

do chậm trễ trong thủ tục cấp phép lưu hành thị trường của dược phẩm là sáng chế v.v.) cũng sẽ được rà soát để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Luật sở hữu trí tuệ cũng cần bổ sung thêm thẩm quyền chủ động tạm dùng làm thủ tục hải quan của cơ quan hải quan đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu bị nghi ngờ là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để đáp ứng cam kết theo hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP). Nâng cao năng lực của cơ quan hải quan trong việc nhận biết hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu.

- Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế trong việc xây dựng văn bản pháp luật về bảo hộ quyền đối với nhãn hiệu ở Việt Nam. Để bảo vệ pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung, pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu nói riêng phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Khuyến kích các địa phương chủ động hợp tác quốc tế về thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

3.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động ngăn ngừa, hạn chế và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu.

- Nâng cao năng lực của các cơ quan, cán bộ thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Đẩy mạnh công tác đào tạo, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cũng như ý thức trách nhiệm của cán bộ, cơ quan chức năng làm công tác chuyên môn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong các cơ quan và cán bộ thực thi pháp luật.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan thực thi pháp luật, xây dựng cơ chế hợp tác và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu. Với sự phát triển của hệ thống công nghệ thông tin như hiện nay, cần phải xây dựng kênh thông tin chung giữa các cơ quan thực thi quyền đối với nhãn hiệu để kịp thời chia sẻ thông tin về các vụ việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu để có biện pháp xử lý phù hợp đối với chủ thể có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu.

- Nâng cao nhận thức của người tiêu dùng và sự phối hợp của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu. Nâng cao nhận thức đối với người tiêu dùng để người dân hiểu được chừng nào người tiêu dùng còn có nhu cầu thì vẫn còn hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác và khi đó quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu và quyền lợi của người tiêu dùng cũng bị ảnh hưởng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu cho toàn xã hội, để người dân nhận thức được các hành vi xâm phạm quyền sở hữu đối với nhãn hiệu là hành vi vi phạm pháp luật. Tăng cường các hoạt động thông tin về sở hữu trí tuệ, củng cố và nâng cao nhận thức xã hội về sở hữu trí tuệ nói chung và quyền đối với nhãn hiệu nói riêng. Tuyên truyền trên các kênh thông tin đại chúng. Việc nâng cao nhân thức xã hội đối với quyền sở hữu trí

tuệ nói chung và quyền đối với nhãn hiệu nói riêng góp phần nâng cao hiệu quả thực thi đối với nhãn hiệu.

- Tăng cường giáo dục về Sở hữu trí tuệ tại trường học. Tăng cường việc giảng dạy về sở hữu trí tuệ tại các trường học, cơ sở giáo dục bằng việc đưa sở hữu trí tuệ chương trình học với các tiết học được dạy theo các chương trình phù hợp với lứa tuổi, hình thành tư duy và thói quen về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đặc biệt là đối với việc bảo hộ quyền đối với nhãn hiệu. Tổ chức các lớp tập huấn giúp mọi người nâng cao nhận thức, tiếp cận với các quy định cụ thể của pháp luật Sở hữu trí tuệ, các thủ tục cần thiết để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu và các thủ tục yêu cầu xử lý xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu nói riêng và quyền sở hữu trí tuệ nói chung, từ đó giúp doanh nghiệp có ý thức chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật Sở hữu trí tuệ.

- Đẩy mạnh công tác tư vấn pháp luật về sở hữu trí tuệ để đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay, nâng cao hiểu biết và lợi ích trong việc tự bảo vệ và sử dụng quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu giữa các doanh nghiệp với nhau để công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ đạt hiệu quả tốt nhất.

- Nâng cao vai trò của Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ và nghiên cứu xây dựng Tòa án sở hữu trí tuệ chuyên xử lý các vụ việc liên quan đến hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung và xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu nói riêng.

- Các doanh nghiệp phải thúc đẩy thương mại hoá các hoạt động sở hữu trí tuệ, tuyên truyền và nâng cao nhận thức về giá trị kinh tế và những lợi ích hợp pháp của việc thương mại hoá các sản phẩm trí tuệ cũng như việc tuân thủ nghiêm túc Luật Sở hưu trí tuệ.

- Xây dựng hệ thống cơ chế giám sát mang tính liên ngành nhằm phòng chống một cách hiệu quả các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu nói riêng và đối với quyền sở hữu trí tuệ nói chung. Chuẩn bị đủ lực lượng thực hiện và phải thực hiện một cách nghiêm túc, thường xuyên, tránh tình trạng phát động theo phong trào.

- Cần tinh giản đầu mối cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Hệ thống các cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hiện nay khá là phức tạp, nhiều đầu mối trong khi phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan còn có sự trùng lặp, chồng chéo nhau kiến cho thời gian xử lý vụ việc bị kéo dài, chất lượng giải quyết chưa cao. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cần phải thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả và sự phù hợp của hệ thống cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để xây dựng và sắp xếp, phân công lại bộ máy các cơ quan có thẩm quyền.

- Nâng cao hiệu quả thực hiện biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu liên quan đến sỏ hữu trí tuệ. Kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu liên quan dến sở hữu trí tuệ tại biên giới đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc pháp hiện các sản phẩm xâm phạm quyến sở hữu trí tuệ, ngăn chặn hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đưa vào thị trường Việt Nam. Do đó, để nâng cao hiệu quả kiểm soá hàng hoá xuất, nhập khẩu về sở hữu trí tuệ, cần sửa đổi quy định của Luật sở hữu trí tuệ theo hướng thu hẹp đối tượng hàng hoá về sở hữu trí tuệ bị kiểm soát tại biên giới. Thúc đẩy phát triển dịch vụ giám định sở hữu công nghiệp và đội ngũ giám định viên công nghiệp.
- Tích cực và chủ động phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về sở hữu trí tuệ, nâng cao hiệu quả công tác điều tra các vụ án về sở hữu trí tuệ.
- Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, các nhân chủ động tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đặc biệt là quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu của mình.

Mở rộng xã hội hoá đi đôi với nâng cao chất lượng hoạt động bổ trợ tư pháp về sở hữu trí tuệ; phát triển đội ngũ giám định viên sở hữu trí tuệ; thúc đẩy phát triển dịch vụ giám định sở hữu trí tuệ và dịch vụ tư vấn pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

KẾT LUẬN

Để phù hợp với yêu cầu của thực tiễn của nền kinh tế thị trường và nền kinh tế hội nhập quốc tế trong các vấn đề liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu ở Việt Nam, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ nói chung và bảo hộ quyền liên quan đến nhãn hiệu nói riêng là yêu cầu cấp thiết.

Vị trí và vai trò của sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế, văn hoá và xã hội Việt Nam cũng như các quốc gia trên thế giới ngày càng được khẳng định. Vì vậy đòi hỏi Việt Nam cần phải đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động thực thi cũng như bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền đối với nhãn hiệu nói riêng nhằm chống lại các hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, xã hội và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời tạo môi trường lành mạnh để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tăng cường quan hệ đầu tư, thương mại,… ở Việt Nam.

Việt Nam muốn phát triển nhanh và bền vững để khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế cần phải đặc biệt quan tâm đến các hoạt động có liên quan đến sở hữu trí tuệ. Những thách thức đặt ra đối với một nước đang phát triển như Việt Nam để tiếp cận với hệ thống Sở hữu trí tuệ là rất nhiều vì vậy đòi hỏi Việt Nam cần phải xây dựng Chiến lược sở hữu trí tuệ thích hợp, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thực hiện pháp luật sở hữu trí tuệ, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao trình độ đội ngũ có thẩm quyền trong việc giải quyết các vụ việc có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ,…

Từ những kết quả đạt được trong việc phân tích mặt lý luận và thực tiễn về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu cho thấy Nhà nước ta đã có sự quan tâm nhất định đến vấn đề này tuy nhiên vẫn còn những khúc mắc cần chưa được giải quyết cần được hoàn thiện trong hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ cũng như trong thực tiễn bảo hộ quyền đối với nhãn hiệu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật dân sự 2015 (Luật số: 91/2015/QH13)* ngày 24 tháng 11 năm 2015
- Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Luật số: 92/2015/QH13)* ngày 25 tháng 11 năm 2015
- Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015 (Số: 100/2015/QH13)* ngày 27 tháng 11 năm 2015
- Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự 2015 (Luật số: 101/2015/QH13)* ngày 27 tháng 11 năm 2015
- Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật cạnh tranh 2018 (Luật số: 23/2018/QH14)* ngày 12 tháng 6 năm 2018
- Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Hải quan năm 2014 (Số: 54/2014/QH13)* ngày 23 tháng 06 năm 2014
- Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 (Số: 50/2005/QH11)* ngày 29 tháng 11 năm 2005
- Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009 (Số: 36/2009/QH12)* ngày 19 tháng 6 năm 2009
- Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (Luật số: 15/2012/QH13)* ngày 20 tháng 6 năm 2012
- Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Luật xử lý vi phạm hành chính sủa đổi năm 2020 (Luật số: 67/2020/QH14)* ngày 13 tháng 11 năm 2020
- Bộ Khoa học và Công nghệ (2008), *Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc cấp, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp*, Hà Nội.
- Bộ Khoa học và Công nghệ (2015), *Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN ngày 26/06/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
- Bộ Khoa học và Công nghệ (2016), *Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30 năm 06 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 02 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7*

năm 2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2011 và Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20 tháng 02 năm 2013, Hà Nội.

- Bộ Tài Chính (2015), *Thông tư 13/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
- Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Nghị định 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 quy định về quy định chi tiết một số điều của luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan*, Hà Nội.
- Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Nghị định 105/2006/NĐ-CP ngày 20/09/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
- Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Nghị định 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
- Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp*, Hà Nội.
- Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghệ*, Hà Nội.
- Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan*, Hà Nội.
- Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan*, Hà Nội.
- Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/09/2020 quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập*, Hà Nội.

- *Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp*
- Cục sở hữu trí tuệ, *báo cáo Tổng kết Chương trình hành động phòng, chống xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2012-2015*, Hà Nội.
- Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)
- Nghị định thư liên quan đến Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu
- Nhà xuất bản Thanh niên (2017), *báo cáo thường niên năm 2017*, Hà Nội
- Nhà xuất bản Thanh niên (2020), *báo cáo thường niên năm 2020*, Hà Nội
- Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ (https://thanhtra.most.gov.vn)
- Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu
- Tổ chức trí tuệ thế giới WIPO (2014), *Những điều chưa biết về nhãn hiệu (Tài liệu hướng dẫn dành cho doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ)*